

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 146/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 29/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 26,27,28,29/01/2024

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT561	Nguyễn Hồng An	02/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG017759	CNTT/24/0782	Đạt	
2	CNTT562	Giáp Văn Anh	26/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG017760	CNTT/24/0783	Đạt	
3	CNTT563	Nguyễn Thế Anh	04/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017761	CNTT/24/0784	Đạt	
4	CNTT564	Nguyễn Việt Anh	08/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017762	CNTT/24/0785	Đạt	
5	CNTT565	Phạm Đức Anh	01/01/1998	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017763	CNTT/24/0786	Đạt	
6	CNTT566	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG017764	CNTT/24/0787	Đạt	
7	CNTT567	Phạm Thị Ánh	24/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.5	DBG017765	CNTT/24/0788	Đạt	
8	CNTT568	Đỗ Thiên Ân	09/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017766	CNTT/24/0789	Đạt	
9	CNTT569	Dương Gia Bảo	22/03/2006	Bắc Giang	Nam	7.6	6.0	DBG017767	CNTT/24/0790	Đạt	
10	CNTT570	Nguyễn Huy Bảo	04/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017768	CNTT/24/0791	Đạt	
11	CNTT571	Hà Thuỳ Châm	11/05/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG017769	CNTT/24/0792	Đạt	
12	CNTT572	Nguyễn Thị Linh Chi	23/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	5.5	DBG017770	CNTT/24/0793	Đạt	
13	CNTT573	Nguyễn Ngọc Chiến	29/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017771	CNTT/24/0794	Đạt	
14	CNTT574	Nguyễn Văn Chiến	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG017772	CNTT/24/0795	Đạt	
15	CNTT575	Nguyễn Văn Chức	24/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017773	CNTT/24/0796	Đạt	
16	CNTT576	Nguyễn Cao Cường	27/06/1991	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG017774	CNTT/24/0797	Đạt	
17	CNTT577	Nguyễn Mạnh Cường	02/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG017775	CNTT/24/0798	Đạt	
18	CNTT578	Nguyễn Ngọc Cường	23/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG017776	CNTT/24/0799	Đạt	
19	CNTT579	Nguyễn Thị Dung	16/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.0	DBG017777	CNTT/24/0800	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT580	Nguyễn Trí	Dũng	31/07/2006	Nghệ An	Nam	7.0	6.0	DBG017778	CNTT/24/0801	Đạt	
21	CNTT581	Nguyễn Trọng	Dũng	23/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017779	CNTT/24/0802	Đạt	
22	CNTT582	Dương Thị Tinh	Duyên	22/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	5.5	DBG017780	CNTT/24/0803	Đạt	
23	CNTT583	Bùi Văn	Dương	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017781	CNTT/24/0804	Đạt	
24	CNTT584	Lê Văn	Dương	14/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG017782	CNTT/24/0805	Đạt	
25	CNTT585	Nguyễn Bùi Đại	Dương	23/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017783	CNTT/24/0806	Đạt	
26	CNTT586	Nguyễn Quảng	Đại	19/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017784	CNTT/24/0807	Đạt	
27	CNTT587	Đoàn Đức	Đạt	23/02/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG017785	CNTT/24/0808	Đạt	
28	CNTT588	Nguyễn Mạnh	Đoàn	30/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017786	CNTT/24/0809	Đạt	
29	CNTT589	Dương Văn	Đông	26/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG017787	CNTT/24/0810	Đạt	
30	CNTT590	Nguyễn Xuân	Đông	06/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017788	CNTT/24/0811	Đạt	
31	CNTT591	Dương Minh	Đức	01/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017789	CNTT/24/0812	Đạt	
32	CNTT592	Nguyễn Đình	Đức	22/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG017790	CNTT/24/0813	Đạt	
33	CNTT593	Chu Ngọc Hương	Giang	22/11/2006	Bình Dương	Nữ	6.7	6.0	DBG017791	CNTT/24/0814	Đạt	
34	CNTT594	Doãn Thị	Giang	23/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG017792	CNTT/24/0815	Đạt	
35	CNTT595	Ngô Đức	Giang	07/02/2006	Bình Dương	Nam	6.7	6.0	DBG017793	CNTT/24/0816	Đạt	
36	CNTT596	Nguyễn Văn	Giang	22/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017794	CNTT/24/0817	Đạt	
37	CNTT597	Phạm Thị Thanh	Hà	02/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017795	CNTT/24/0818	Đạt	
38	CNTT598	Giáp Văn	Hải	02/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017796	CNTT/24/0819	Đạt	
39	CNTT599	Lê Hoàng	Hải	15/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017797	CNTT/24/0820	Đạt	
40	CNTT600	Ngô Đức	Hải	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017798	CNTT/24/0821	Đạt	
41	CNTT601	Vũ Hồng	Hải	25/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017799	CNTT/24/0822	Đạt	
42	CNTT602	Thân Thị	Hạnh	15/09/2006	Gia Lai	Nữ	6.5	5.5	DBG017800	CNTT/24/0823	Đạt	
43	CNTT603	Nguyễn Minh	Hằng	08/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.0	DBG017801	CNTT/24/0824	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT604	Hoàng Huy	Hậu	31/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	5.0	DBG017802	CNTT/24/0825	Đạt	
45	CNTT605	Trần Thị	Hậu	28/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017803	CNTT/24/0826	Đạt	
46	CNTT606	Hà Thị	Hiền	01/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG017804	CNTT/24/0827	Đạt	
47	CNTT607	Đặng Đức	Hiệp	30/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017805	CNTT/24/0828	Đạt	
48	CNTT608	Đỗ Minh	Hiếu	07/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017806	CNTT/24/0829	Đạt	
49	CNTT609	Đồng Trung	Hiếu	30/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017807	CNTT/24/0830	Đạt	
50	CNTT610	Dương Minh	Hiếu	07/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017808	CNTT/24/0831	Đạt	
51	CNTT611	Ngô Quang	Hiếu	22/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG017809	CNTT/24/0832	Đạt	
52	CNTT612	Nguyễn Trung	Hiếu	26/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG017810	CNTT/24/0833	Đạt	
53	CNTT613	Lê Thị	Hòa	25/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017811	CNTT/24/0834	Đạt	
54	CNTT614	Phạm Thị Khánh	Hoà	28/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017812	CNTT/24/0835	Đạt	
55	CNTT615	Hoàng Văn Lê	Hoàn	28/04/2006	Bình Dương	Nam	6.7	6.0	DBG017813	CNTT/24/0836	Đạt	
56	CNTT616	Ngô Việt	Hoàng	05/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG017814	CNTT/24/0837	Đạt	
57	CNTT617	Trịnh Văn	Hoàng	02/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG017815	CNTT/24/0838	Đạt	
58	CNTT618	Bạch Xuân	Hùng	03/10/2003	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017816	CNTT/24/0839	Đạt	
59	CNTT619	Nguyễn Văn	Hùng	05/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017817	CNTT/24/0840	Đạt	
60	CNTT620	Thân Văn	Hùng	14/10/2006	Đắk Lắk	Nam	6.5	5.5	DBG017818	CNTT/24/0841	Đạt	
61	CNTT621	Chu Quang	Huy	24/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017819	CNTT/24/0842	Đạt	
62	CNTT622	Mai Quang	Huy	24/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG017820	CNTT/24/0843	Đạt	
63	CNTT623	Nguyễn Thị	Huyền	27/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017821	CNTT/24/0844	Đạt	
64	CNTT624	Nguyễn Văn	Huỳnh	10/11/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017822	CNTT/24/0845	Đạt	
65	CNTT625	Dương Tiến	Hưng	29/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017823	CNTT/24/0846	Đạt	
66	CNTT626	Phạm Mạnh	Hưng	12/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017824	CNTT/24/0847	Đạt	
67	CNTT627	Nguyễn Thị	Hương	11/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017825	CNTT/24/0848	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT628	Vũ Văn	Khánh	17/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG017826	CNTT/24/0849	Đạt	
69	CNTT629	Phạm Đình	Khiêm	20/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017827	CNTT/24/0850	Đạt	
70	CNTT630	Nguyễn Đăng	Khoa	26/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017828	CNTT/24/0851	Đạt	
71	CNTT631	Thân Ngọc	Khoa	17/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017829	CNTT/24/0852	Đạt	
72	CNTT632	Dương Mạnh	Kiên	15/01/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017830	CNTT/24/0853	Đạt	
73	CNTT633	Hoàng Quốc Trung	Kiên	12/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017831	CNTT/24/0854	Đạt	
74	CNTT634	Cao Văn	Linh	10/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017832	CNTT/24/0855	Đạt	
75	CNTT635	Hà Nguyễn Khánh	Linh	27/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG017833	CNTT/24/0856	Đạt	
76	CNTT636	Trần Đức	Long	24/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017834	CNTT/24/0857	Đạt	
77	CNTT637	Tạ Thị Thu	Lụa	07/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017835	CNTT/24/0858	Đạt	
78	CNTT638	Nguyễn Thị	Mai	27/03/2006	Hải Dương	Nữ	6.7	6.0	DBG017836	CNTT/24/0859	Đạt	
79	CNTT639	Thân Quỳnh	Mai	05/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG017837	CNTT/24/0860	Đạt	
80	CNTT640	Khổng Đức	Minh	02/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017838	CNTT/24/0861	Đạt	
81	CNTT641	Nguyễn Văn	Minh	13/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017839	CNTT/24/0862	Đạt	
82	CNTT642	Phan Tuấn	Minh	06/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017840	CNTT/24/0863	Đạt	
83	CNTT643	Hoàng Văn	Phong	17/11/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG017841	CNTT/24/0864	Đạt	
84	CNTT644	Nguyễn Cao	Phương	20/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017842	CNTT/24/0865	Đạt	
85	CNTT645	Lê Văn	Quyền	01/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017843	CNTT/24/0866	Đạt	
86	CNTT646	Nguyễn Thanh	Sang	17/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017844	CNTT/24/0867	Đạt	
87	CNTT647	Dương Văn	Sáng	13/11/2001	Thái Nguyên	Nam	6.0	6.0	DBG017845	CNTT/24/0868	Đạt	
88	CNTT648	Dương Minh	Tâm	01/03/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	5.5	DBG017846	CNTT/24/0869	Đạt	
89	CNTT649	Nguyễn Huy	Thái	16/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017847	CNTT/24/0870	Đạt	
90	CNTT650	Vi Văn	Thanh	10/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017848	CNTT/24/0871	Đạt	
91	CNTT651	Đặng Anh	Tú	20/12/2006	Bình Dương	Nam	6.5	5.5	DBG017849	CNTT/24/0872	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT652	Trương Quang	Tú	22/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017850	CNTT/24/0873	Đạt	
93	CNTT653	Hà Mạnh	Tuấn	19/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG017851	CNTT/24/0874	Đạt	
94	CNTT654	Trần Anh	Tuấn	25/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017852	CNTT/24/0875	Đạt	
95	CNTT655	Giáp Công	Vinh	06/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017853	CNTT/24/0876	Đạt	
96	CNTT656	Nguyễn Đắc An	Vinh	07/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017854	CNTT/24/0877	Đạt	
97	CNTT657	Đặng Lan	Anh	10/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG017855	CNTT/24/0878	Đạt	
98	CNTT658	Nguyễn Lan	Anh	18/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017856	CNTT/24/0879	Đạt	
99	CNTT659	Nguyễn Lê Quang	Anh	09/09/2006	Hồ Chí Minh	Nam	6.5	6.0	DBG017857	CNTT/24/0880	Đạt	
100	CNTT660	Nguyễn Thế	Anh	26/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017858	CNTT/24/0881	Đạt	
101	CNTT661	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/12/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG017859	CNTT/24/0882	Đạt	
102	CNTT662	Phan Thị Ngọc	Anh	18/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017860	CNTT/24/0883	Đạt	
103	CNTT663	Ninh Đắc	Ánh	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017861	CNTT/24/0884	Đạt	
104	CNTT664	Phạm Thị	Ánh	29/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017862	CNTT/24/0885	Đạt	
105	CNTT665	Hoàng Văn	Bảo	29/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017863	CNTT/24/0886	Đạt	
106	CNTT666	Đỗ Đức	Bình	29/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG017864	CNTT/24/0887	Đạt	
107	CNTT667	Nguyễn Hữu	Bình	08/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017865	CNTT/24/0888	Đạt	
108	CNTT668	Hoàng Thị Thanh	Chúc	21/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017866	CNTT/24/0889	Đạt	
109	CNTT669	Giáp Minh	Chung	12/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG017867	CNTT/24/0890	Đạt	
110	CNTT670	Đào Chí	Công	16/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017868	CNTT/24/0891	Đạt	
111	CNTT671	Hoàng Thị	Công	20/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.5	DBG017869	CNTT/24/0892	Đạt	
112	CNTT672	Lê Văn	Cường	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017870	CNTT/24/0893	Đạt	
113	CNTT673	Trần Văn	Cường	25/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017871	CNTT/24/0894	Đạt	
114	CNTT674	Nguyễn Đức	Dũng	14/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017872	CNTT/24/0895	Đạt	
115	CNTT675	Lương Văn	Duy	29/05/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG017873	CNTT/24/0896	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT676	Hoàng Thế	Dương	22/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017874	CNTT/24/0897	Đạt	
117	CNTT677	Nguyễn Thế	Đại	10/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017875	CNTT/24/0898	Đạt	
118	CNTT678	Nguyễn Văn	Đạt	03/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017876	CNTT/24/0899	Đạt	
119	CNTT679	Nguyễn Văn	Đạt	29/04/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG017877	CNTT/24/0900	Đạt	
120	CNTT680	Lê Ngọc	Điệp	22/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017878	CNTT/24/0901	Đạt	
121	CNTT681	Đặng Hoàng	Giang	07/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017879	CNTT/24/0902	Đạt	
122	CNTT682	Đỗ Thị Thu	Hà	16/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG017880	CNTT/24/0903	Đạt	
123	CNTT683	Đàm Ngọc	Hải	08/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG017881	CNTT/24/0904	Đạt	
124	CNTT684	Hà Thị	Hạnh	16/03/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.0	DBG017882	CNTT/24/0905	Đạt	
125	CNTT685	Lương Văn	Hạnh	24/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017883	CNTT/24/0906	Đạt	
126	CNTT686	Nguyễn Thái	Hạnh	21/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017884	CNTT/24/0907	Đạt	
127	CNTT687	Hoàng Thị Thanh	Hằng	14/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017885	CNTT/24/0908	Đạt	
128	CNTT688	Đỗ Hoàng	Hiệp	07/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017886	CNTT/24/0909	Đạt	
129	CNTT689	Phạm Thế	Hiệp	23/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017887	CNTT/24/0910	Đạt	
130	CNTT690	Chu Đình	Hiếu	18/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017888	CNTT/24/0911	Đạt	
131	CNTT691	Giáp Quang	Hiếu	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017889	CNTT/24/0912	Đạt	
132	CNTT692	Nguyễn Văn	Hiếu	12/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017890	CNTT/24/0913	Đạt	
133	CNTT693	Nguyễn Đình	Hoà	21/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017891	CNTT/24/0914	Đạt	
134	CNTT694	Đỗ Thị	Hoài	18/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017892	CNTT/24/0915	Đạt	
135	CNTT695	Trần Mạnh	Hùng	13/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017893	CNTT/24/0916	Đạt	
136	CNTT696	Hà Thị Ngọc	Huyền	29/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG017894	CNTT/24/0917	Đạt	
137	CNTT697	Nguyễn Nhật	Khanh	28/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017895	CNTT/24/0918	Đạt	
138	CNTT698	Đình Gia	Khánh	06/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017896	CNTT/24/0919	Đạt	
139	CNTT699	Hoàng Nam	Khánh	04/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017897	CNTT/24/0920	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT700	Lương Trung	Kiên	16/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017898	CNTT/24/0921	Đạt	
141	CNTT701	Nguyễn Trung	Kiên	15/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017899	CNTT/24/0922	Đạt	
142	CNTT702	Giáp Thị Thanh	Lan	24/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	7.0	DBG017900	CNTT/24/0923	Đạt	
143	CNTT703	Hà Phương	Linh	06/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017901	CNTT/24/0924	Đạt	
144	CNTT704	Phan Ngọc	Linh	02/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017902	CNTT/24/0925	Đạt	
145	CNTT705	Trần Gia	Linh	15/08/2006	Hà Nội	Nữ	7.0	6.0	DBG017903	CNTT/24/0926	Đạt	
146	CNTT706	Trịnh Phương	Linh	31/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017904	CNTT/24/0927	Đạt	
147	CNTT707	Tổng Thị Tố	Loan	05/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017905	CNTT/24/0928	Đạt	
148	CNTT708	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017906	CNTT/24/0929	Đạt	
149	CNTT709	Đỗ Hoàng	Mai	27/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017907	CNTT/24/0930	Đạt	
150	CNTT710	Nguyễn Thị	Mai	21/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG017908	CNTT/24/0931	Đạt	
151	CNTT711	Nguyễn Đức	Mạnh	26/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG017909	CNTT/24/0932	Đạt	
152	CNTT712	Nguyễn Thành	Nam	15/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017910	CNTT/24/0933	Đạt	
153	CNTT713	Giáp Thị Quỳnh	Nga	24/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG017911	CNTT/24/0934	Đạt	
154	CNTT714	Dương Thị	Ngọc	10/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017912	CNTT/24/0935	Đạt	
155	CNTT715	Nguyễn Văn	Nguyên	06/11/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG017913	CNTT/24/0936	Đạt	
156	CNTT716	Trần Xuân	Nhật	18/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017914	CNTT/24/0937	Đạt	
157	CNTT717	Trần Thị Yên	Nhi	30/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017915	CNTT/24/0938	Đạt	
158	CNTT718	Nguyễn Hải	Ninh	21/06/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG017916	CNTT/24/0939	Đạt	
159	CNTT719	Nguyễn Thị	Phương	09/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017917	CNTT/24/0940	Đạt	
160	CNTT720	Nguyễn Thị Bích	Phượng	24/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG017918	CNTT/24/0941	Đạt	
161	CNTT721	Thân Mạnh	Quang	27/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG017919	CNTT/24/0942	Đạt	
162	CNTT722	Nguyễn Quang	Quyền	14/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017920	CNTT/24/0943	Đạt	
163	CNTT723	Lê Trúc	Quỳnh	16/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG017921	CNTT/24/0944	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT724	Nguyễn Hoàng Sơn	24/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG017922	CNTT/24/0945	Đạt	
165	CNTT725	Phạm Thị Thanh Tâm	23/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017923	CNTT/24/0946	Đạt	
166	CNTT726	Đỗ Hồng Thái	14/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017924	CNTT/24/0947	Đạt	
167	CNTT727	Nguyễn Công Thành	23/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017925	CNTT/24/0948	Đạt	
168	CNTT728	Ong Thê Thành	10/03/2006	Đồng Nai	Nam	6.7	6.0	DBG017926	CNTT/24/0949	Đạt	
169	CNTT729	Bùi Quang Thắng	28/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG017927	CNTT/24/0950	Đạt	
170	CNTT730	Nguyễn Quang Thắng	31/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017928	CNTT/24/0951	Đạt	
171	CNTT731	Nguyễn Quang Thắng	24/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017929	CNTT/24/0952	Đạt	
172	CNTT732	Phạm Minh Thắng	05/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017930	CNTT/24/0953	Đạt	
173	CNTT733	Trần Văn Thiện	16/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017931	CNTT/24/0954	Đạt	
174	CNTT734	Nguyễn Đức Thịnh	15/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017932	CNTT/24/0955	Đạt	
175	CNTT735	Nguyễn Phạm Duy Thịnh	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017933	CNTT/24/0956	Đạt	
176	CNTT736	Trần Thị Thơm	25/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG017934	CNTT/24/0957	Đạt	
177	CNTT737	Đỗ Phương Thùy	14/11/2006	Đắk Lắk	Nữ	7.2	6.5	DBG017935	CNTT/24/0958	Đạt	
178	CNTT738	Nguyễn Quang Tiến	28/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017936	CNTT/24/0959	Đạt	
179	CNTT739	Nguyễn Huyền Trang	06/11/2006	Bình Dương	Nữ	7.0	6.0	DBG017937	CNTT/24/0960	Đạt	
180	CNTT740	Nguyễn Thị Trang	29/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG017938	CNTT/24/0961	Đạt	
181	CNTT741	Nguyễn Thị Thu Trang	10/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG017939	CNTT/24/0962	Đạt	
182	CNTT742	Nguyễn Văn Trường	11/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG017940	CNTT/24/0963	Đạt	
183	CNTT743	Dương Minh Tuấn	11/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017941	CNTT/24/0964	Đạt	
184	CNTT744	Lê Anh Tuấn	10/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017942	CNTT/24/0965	Đạt	
185	CNTT745	Nguyễn Thị Mai Uyên	30/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017943	CNTT/24/0966	Đạt	
186	CNTT746	Nguyễn Quang Vinh	30/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017944	CNTT/24/0967	Đạt	
187	CNTT747	Trương Quang Vinh	08/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	5.5	DBG017945	CNTT/24/0968	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
188	CNTT748	Nguyễn Duy Vũ	22/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017946	CNTT/24/0969	Đạt	
189	CNTT749	Nguyễn Thị Minh Vượng	20/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG017947	CNTT/24/0970	Đạt	
190	CNTT750	Lương Thị Xuyến	09/06/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.5	DBG017948	CNTT/24/0971	Đạt	
191	CNTT751	Nguyễn Trường An	24/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017949	CNTT/24/0972	Đạt	
192	CNTT752	Hà Ngọc Anh	23/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017950	CNTT/24/0973	Đạt	
193	CNTT753	Nguy Việt Anh	16/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017951	CNTT/24/0974	Đạt	
194	CNTT754	Nguyễn Hoàng Anh	16/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG017952	CNTT/24/0975	Đạt	
195	CNTT755	Trần Việt Anh	17/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017953	CNTT/24/0976	Đạt	
196	CNTT756	Nguyễn Thị Kim Ánh	12/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG017954	CNTT/24/0977	Đạt	
197	CNTT757	Dương Văn Bình	11/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017955	CNTT/24/0978	Đạt	
198	CNTT758	Nguyễn Thị Kim Chi	15/12/2006	Bình Phước	Nữ	7.2	6.0	DBG017956	CNTT/24/0979	Đạt	
199	CNTT759	Nguyễn Quốc Chiến	21/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017957	CNTT/24/0980	Đạt	
200	CNTT760	Trần Văn Chính	16/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017958	CNTT/24/0981	Đạt	
201	CNTT761	Hoàng Thị Thu Cúc	02/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017959	CNTT/24/0982	Đạt	
202	CNTT762	Trần Văn Duy	18/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017960	CNTT/24/0983	Đạt	
203	CNTT763	Hoàng Tiến Đạt	09/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017961	CNTT/24/0984	Đạt	
204	CNTT764	Lăng Tiến Đạt	09/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017962	CNTT/24/0985	Đạt	
205	CNTT765	Ngô Văn Đoàn	01/06/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG017963	CNTT/24/0986	Đạt	
206	CNTT766	Dương Ngọc Đức	22/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG017964	CNTT/24/0987	Đạt	
207	CNTT767	Đỗ Quang Hà	24/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017965	CNTT/24/0988	Đạt	
208	CNTT768	Hà Hồng Hạnh	12/02/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.5	DBG017966	CNTT/24/0989	Đạt	
209	CNTT769	Nguyễn Thanh Hiền	20/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017967	CNTT/24/0990	Đạt	
210	CNTT770	Phạm Thị Thanh Hiền	26/11/2006	Bắc Giang	Nữ	7.5	6.0	DBG017968	CNTT/24/0991	Đạt	
211	CNTT771	Hà Quang Hiếu	09/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG017969	CNTT/24/0992	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
212	CNTT772	Nguyễn Văn	Hiếu	25/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG017970	CNTT/24/0993	Đạt	
213	CNTT773	Hà Thị	Hoa	03/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017971	CNTT/24/0994	Đạt	
214	CNTT774	Vũ Minh	Hoài	20/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017972	CNTT/24/0995	Đạt	
215	CNTT775	Nguyễn Đức	Hoàng	21/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017973	CNTT/24/0996	Đạt	
216	CNTT776	Nguyễn Thị	Hồng	20/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG017974	CNTT/24/0997	Đạt	
217	CNTT777	Hà Thị	Huệ	29/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017975	CNTT/24/0998	Đạt	
218	CNTT778	Nguyễn Mạnh	Hùng	04/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017976	CNTT/24/0999	Đạt	
219	CNTT779	Nguyễn Việt	Hùng	19/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017977	CNTT/24/1000	Đạt	
220	CNTT780	Đinh Văn	Huy	13/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017978	CNTT/24/1001	Đạt	
221	CNTT781	Hoàng Quốc	Huy	27/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017979	CNTT/24/1002	Đạt	
222	CNTT782	Lương Thị	Huyền	22/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG017980	CNTT/24/1003	Đạt	
223	CNTT783	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	25/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG017981	CNTT/24/1004	Đạt	
224	CNTT784	Trần Thị	Huyền	23/11/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG017982	CNTT/24/1005	Đạt	
225	CNTT785	Đỗ Tuấn	Hưng	19/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017983	CNTT/24/1006	Đạt	
226	CNTT786	Dương Văn	Hưng	27/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017984	CNTT/24/1007	Đạt	
227	CNTT787	Nguyễn Quốc	Hưng	02/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG017985	CNTT/24/1008	Đạt	
228	CNTT788	Nguyễn Xuân	Khanh	20/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG017986	CNTT/24/1009	Đạt	
229	CNTT789	Dương Quốc	Khánh	07/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017987	CNTT/24/1010	Đạt	
230	CNTT790	Trịnh Ngọc	Khuê	06/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG017988	CNTT/24/1011	Đạt	
231	CNTT791	Nguyễn Đức	Kiên	25/01/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG017989	CNTT/24/1012	Đạt	
232	CNTT792	Nguyễn Sỹ	Kiên	19/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG017990	CNTT/24/1013	Đạt	
233	CNTT793	Nguyễn Tài	Kiệt	01/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017991	CNTT/24/1014	Đạt	
234	CNTT794	Ngô Đặng Hoàng	Lan	21/02/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG017992	CNTT/24/1015	Đạt	
235	CNTT795	Trần Thị Mỹ	Lệ	16/10/2005	Bình Dương	Nữ	6.7	6.5	DBG017993	CNTT/24/1016	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
236	CNTT796	Hà Thùy	Linh	01/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG017994	CNTT/24/1017	Đạt	
237	CNTT797	Hoàng Khánh	Linh	19/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.0	DBG017995	CNTT/24/1018	Đạt	
238	CNTT798	Nguyễn Ngọc	Linh	22/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG017996	CNTT/24/1019	Đạt	
239	CNTT799	Nguyễn Văn	Long	20/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG017997	CNTT/24/1020	Đạt	
240	CNTT800	Thân Văn	Long	23/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG017998	CNTT/24/1021	Đạt	
241	CNTT801	Phạm Thành	Luân	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG017999	CNTT/24/1022	Đạt	
242	CNTT802	Giáp Đình	Mạnh	12/05/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018000	CNTT/24/1023	Đạt	
243	CNTT803	Hà Văn	Mạnh	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018201	CNTT/24/1024	Đạt	
244	CNTT804	Lương Đức	Mạnh	18/05/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018202	CNTT/24/1025	Đạt	
245	CNTT805	Đặng Văn	Nam	04/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018203	CNTT/24/1026	Đạt	
246	CNTT806	Nguyễn Hải	Nam	10/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018204	CNTT/24/1027	Đạt	
247	CNTT807	Nguyễn Hồ	Nam	19/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018205	CNTT/24/1028	Đạt	
248	CNTT808	Tạ Văn	Nam	10/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018206	CNTT/24/1029	Đạt	
249	CNTT809	Hoàng Văn	Nghĩa	08/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018207	CNTT/24/1030	Đạt	
250	CNTT810	Lê Thống	Nhất	02/01/2003	Bình Phước	Nam	6.7	5.5	DBG018208	CNTT/24/1031	Đạt	
251	CNTT811	Doãn Quang	Ninh	13/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018209	CNTT/24/1032	Đạt	
252	CNTT812	Nguyễn Trí	Phong	15/06/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018210	CNTT/24/1033	Đạt	
253	CNTT813	Phạm Nguyên	Phúc	28/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018211	CNTT/24/1034	Đạt	
254	CNTT814	Vũ Đức	Phương	10/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018212	CNTT/24/1035	Đạt	
255	CNTT815	Đỗ Xuân	Quang	03/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018213	CNTT/24/1036	Đạt	
256	CNTT816	Dương Thị Lệ	Quyên	17/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018214	CNTT/24/1037	Đạt	
257	CNTT817	Phùng Thị	Quỳnh	08/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG018215	CNTT/24/1038	Đạt	
258	CNTT818	Nguyễn Minh	Sang	06/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018216	CNTT/24/1039	Đạt	
259	CNTT819	Giáp Thị Minh	Tâm	30/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018217	CNTT/24/1040	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
260	CNTT820	Vi Văn	Thái	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018218	CNTT/24/1041	Đạt	
261	CNTT821	Đoàn Thị	Thanh	06/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018219	CNTT/24/1042	Đạt	
262	CNTT822	Nguyễn Việt	Thành	26/03/2006	Lâm Đồng	Nam	6.7	6.5	DBG018220	CNTT/24/1043	Đạt	
263	CNTT823	Bùi Đình	Thao	23/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018221	CNTT/24/1044	Đạt	
264	CNTT824	Nguyễn Phương	Thảo	05/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018222	CNTT/24/1045	Đạt	
265	CNTT825	Hà Chí	Thắng	04/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018223	CNTT/24/1046	Đạt	
266	CNTT826	Hà Văn	Thiện	14/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG018224	CNTT/24/1047	Đạt	
267	CNTT827	Phạm Thị Hồng	Thuận	30/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018225	CNTT/24/1048	Đạt	
268	CNTT828	Hoàng Thị Thu	Thủy	11/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018226	CNTT/24/1049	Đạt	
269	CNTT829	Lê Anh	Thư	30/05/2006	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6.2	6.0	DBG018227	CNTT/24/1050	Đạt	
270	CNTT830	Nguyễn Minh	Thư	17/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018228	CNTT/24/1051	Đạt	
271	CNTT831	Giáp Thị	Thương	24/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018229	CNTT/24/1052	Đạt	
272	CNTT832	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	12/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018230	CNTT/24/1053	Đạt	
273	CNTT833	Nguyễn Thị Thủy	Trang	06/11/2006	Bắc Giang	Nữ	7.5	6.0	DBG018231	CNTT/24/1054	Đạt	
274	CNTT834	Dương Việt	Trung	13/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018232	CNTT/24/1055	Đạt	
275	CNTT835	Giáp Văn	Trung	03/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018233	CNTT/24/1056	Đạt	
276	CNTT836	Hà Văn	Trung	05/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018234	CNTT/24/1057	Đạt	
277	CNTT837	Lăng Ngọc	Tú	23/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018235	CNTT/24/1058	Đạt	
278	CNTT838	Nguyễn Ngọc	Tú	02/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018236	CNTT/24/1059	Đạt	
279	CNTT839	Thân Văn	Tú	17/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018237	CNTT/24/1060	Đạt	
280	CNTT840	Vũ Minh	Tú	28/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018238	CNTT/24/1061	Đạt	
281	CNTT841	Nguyễn Huy	Tuấn	22/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018239	CNTT/24/1062	Đạt	
282	CNTT842	Nguyễn Văn	Vang	11/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018240	CNTT/24/1063	Đạt	
283	CNTT843	Phạm Quang	Vân	11/09/2002	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018241	CNTT/24/1064	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
284	CNTT844	Bùi Quốc Việt	22/11/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018242	CNTT/24/1065	Đạt	
285	CNTT845	Nguyễn Tuấn Việt	13/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018243	CNTT/24/1066	Đạt	
286	CNTT846	Trần Công Vinh	17/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018244	CNTT/24/1067	Đạt	
287	CNTT847	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018245	CNTT/24/1068	Đạt	
288	CNTT848	Lê Văn Anh	12/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018246	CNTT/24/1069	Đạt	
289	CNTT849	Nguyễn Thị Như Anh	26/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018247	CNTT/24/1070	Đạt	
290	CNTT850	Nguyễn Văn Anh	10/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018248	CNTT/24/1071	Đạt	
291	CNTT851	Trần Thế Anh	12/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018249	CNTT/24/1072	Đạt	
292	CNTT852	Giáp Thị Minh Ánh	04/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018250	CNTT/24/1073	Đạt	
293	CNTT853	Nguy Thị Lan Ánh	27/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018251	CNTT/24/1074	Đạt	
294	CNTT854	Chu Gia Bảo	31/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018252	CNTT/24/1075	Đạt	
295	CNTT855	Phạm Văn Bình	28/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018253	CNTT/24/1076	Đạt	
296	CNTT856	Nguyễn Thị Chung	23/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018254	CNTT/24/1077	Đạt	
297	CNTT857	Chu Trung Cơ	28/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018255	CNTT/24/1078	Đạt	
298	CNTT858	Lê Thị Vân Dung	28/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018256	CNTT/24/1079	Đạt	
299	CNTT859	Nguyễn Phi Dương	19/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018257	CNTT/24/1080	Đạt	
300	CNTT860	Hà Đức Đạt	18/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018258	CNTT/24/1081	Đạt	
301	CNTT861	Lê Tiến Đạt	27/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018259	CNTT/24/1082	Đạt	
302	CNTT862	Nguyễn Văn Đạt	08/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018260	CNTT/24/1083	Đạt	
303	CNTT863	Phan Tiến Đạt	22/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018261	CNTT/24/1084	Đạt	
304	CNTT864	Vũ Trí Đoàn	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018262	CNTT/24/1085	Đạt	
305	CNTT865	Nguyễn Văn Đức	18/03/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018263	CNTT/24/1086	Đạt	
306	CNTT866	Nguyễn Văn Hân	14/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018264	CNTT/24/1087	Đạt	
307	CNTT867	Trần Thị Thu Hiền	18/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018265	CNTT/24/1088	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
308	CNTT868	Dương Văn	Hiếu	26/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018266	CNTT/24/1089	Đạt	
309	CNTT869	Nguyễn Thị	Hoà	29/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018267	CNTT/24/1090	Đạt	
310	CNTT870	Chu Ngọc	Hoan	06/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018268	CNTT/24/1091	Đạt	
311	CNTT871	Đinh Văn	Hoan	09/11/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG018269	CNTT/24/1092	Đạt	
312	CNTT872	Đỗ Danh Huy	Hoàng	19/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018270	CNTT/24/1093	Đạt	
313	CNTT873	Nguyễn Văn	Hoàng	31/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018271	CNTT/24/1094	Đạt	
314	CNTT874	Trần Như	Hoạt	13/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018272	CNTT/24/1095	Đạt	
315	CNTT875	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	20/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG018273	CNTT/24/1096	Đạt	
316	CNTT876	Bế Quốc	Hợp	29/11/2006	Lạng Sơn	Nam	6.0	6.0	DBG018274	CNTT/24/1097	Đạt	
317	CNTT877	Đỗ Minh	Huân	28/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018275	CNTT/24/1098	Đạt	
318	CNTT878	Hoàng Thị Kim	Huệ	26/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018276	CNTT/24/1099	Đạt	
319	CNTT879	Trần Huy	Hùng	14/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018277	CNTT/24/1100	Đạt	
320	CNTT880	Hà Quang	Huy	11/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018278	CNTT/24/1101	Đạt	
321	CNTT881	Nguyễn Đức	Huy	18/09/2006	Bình Dương	Nam	6.0	6.0	DBG018279	CNTT/24/1102	Đạt	
322	CNTT882	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/06/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.5	DBG018280	CNTT/24/1103	Đạt	
323	CNTT883	Đàm Duy	Hưng	29/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018281	CNTT/24/1104	Đạt	
324	CNTT884	Phạm Linh	Hương	16/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG018282	CNTT/24/1105	Đạt	
325	CNTT885	Nguyễn Thị Thu	Hường	14/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018283	CNTT/24/1106	Đạt	
326	CNTT886	Nguyễn Lê	Khanh	20/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6.0	6.5	DBG018284	CNTT/24/1107	Đạt	
327	CNTT887	Đinh Xuân	Kiên	09/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018285	CNTT/24/1108	Đạt	
328	CNTT888	Nguyễn Trung	Kiên	20/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018286	CNTT/24/1109	Đạt	
329	CNTT889	Nguyễn Văn	Kiên	21/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018287	CNTT/24/1110	Đạt	
330	CNTT891	Vũ Đình	Liệu	29/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018288	CNTT/24/1111	Đạt	
331	CNTT892	Đào Thị Thúy	Linh	05/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.5	DBG018289	CNTT/24/1112	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
332	CNTT893	Đỗ Phương	Linh	29/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018290	CNTT/24/1113	Đạt	
333	CNTT894	Hoàng Đức	Linh	14/11/2006	Bình Dương	Nam	6.0	6.0	DBG018291	CNTT/24/1114	Đạt	
334	CNTT895	Lý Ngọc	Linh	14/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018292	CNTT/24/1115	Đạt	
335	CNTT896	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018293	CNTT/24/1116	Đạt	
336	CNTT897	Thân Thị Thuỳ	Linh	26/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018294	CNTT/24/1117	Đạt	
337	CNTT898	Trịnh Thị Yên	Linh	04/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG018295	CNTT/24/1118	Đạt	
338	CNTT899	Nguyễn Văn	Long	02/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018296	CNTT/24/1119	Đạt	
339	CNTT900	Tổng Minh	Long	10/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018297	CNTT/24/1120	Đạt	
340	CNTT901	Nguyễn Văn	Lực	16/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018298	CNTT/24/1121	Đạt	
341	CNTT902	Dương Khánh	Ly	13/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018299	CNTT/24/1122	Đạt	
342	CNTT903	Từ Thị Kim	Ly	25/04/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.0	DBG018300	CNTT/24/1123	Đạt	
343	CNTT904	Thân Thị Xuân	Mai	04/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018001	CNTT/24/1124	Đạt	
344	CNTT905	Nguyễn Đức	Mạnh	06/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018002	CNTT/24/1125	Đạt	
345	CNTT906	Tổng Văn	Mạnh	09/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018003	CNTT/24/1126	Đạt	
346	CNTT907	Đỗ Thị Trà	Mi	25/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018004	CNTT/24/1127	Đạt	
347	CNTT908	Hoàng Thị Trà	My	24/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018005	CNTT/24/1128	Đạt	
348	CNTT909	Nguyễn Hải	Nam	17/04/2006	Bắc Giang	Nam	8.5	6.0	DBG018006	CNTT/24/1129	Đạt	
349	CNTT910	Vương Hoàng	Nam	15/12/2006	Bắc Giang	Nam	8.5	6.5	DBG018007	CNTT/24/1130	Đạt	
350	CNTT911	Nguyễn Phương	Ngân	26/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7.7	6.5	DBG018008	CNTT/24/1131	Đạt	
351	CNTT912	Phạm Yên	Ngân	10/08/2006	Bắc Giang	Nữ	8.0	6.0	DBG018009	CNTT/24/1132	Đạt	
352	CNTT913	Hà Hồng	Ngọc	15/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.7	6.0	DBG018010	CNTT/24/1133	Đạt	
353	CNTT914	Nguyễn Thị	Ngọc	29/11/2006	Bắc Giang	Nữ	8.0	6.0	DBG018011	CNTT/24/1134	Đạt	
354	CNTT915	Phan Hoàng	Phi	28/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG018012	CNTT/24/1135	Đạt	
355	CNTT916	Dương Thế	Phong	01/03/2006	Bắc Giang	Nam	8.0	6.5	DBG018013	CNTT/24/1136	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
356	CNTT917	Hoàng Xuân	Phong	24/01/2006	Bắc Giang	Nam	8.0	6.5	DBG018014	CNTT/24/1137	Đạt	
357	CNTT918	Nguyễn Tiến	Phúc	22/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018015	CNTT/24/1138	Đạt	
358	CNTT919	Hà Đức	Phương	24/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018016	CNTT/24/1139	Đạt	
359	CNTT920	Nguyễn Thị Thu	Phương	27/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018017	CNTT/24/1140	Đạt	
360	CNTT921	Hà Văn	Quang	13/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018018	CNTT/24/1141	Đạt	
361	CNTT922	Lã Minh	Quang	04/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018019	CNTT/24/1142	Đạt	
362	CNTT923	Nguyễn Văn	Quyết	13/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018020	CNTT/24/1143	Đạt	
363	CNTT924	Đào Thị Diễm	Quỳnh	12/08/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG018021	CNTT/24/1144	Đạt	
364	CNTT925	Nguyễn Tất	Thanh	13/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018022	CNTT/24/1145	Đạt	
365	CNTT926	Phùng Tiến	Thành	02/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG018023	CNTT/24/1146	Đạt	
366	CNTT927	Nguyễn Thị	Thoa	03/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018024	CNTT/24/1147	Đạt	
367	CNTT928	Phạm Thị	Thuyên	23/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.5	DBG018025	CNTT/24/1148	Đạt	
368	CNTT929	Tổng Thanh	Thư	27/07/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	6.5	DBG018026	CNTT/24/1149	Đạt	
369	CNTT930	Nguyễn Thị	Thương	15/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018027	CNTT/24/1150	Đạt	
370	CNTT931	Hà Chí	Toàn	02/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018028	CNTT/24/1151	Đạt	
371	CNTT932	Bùi Thu	Trang	18/11/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG018029	CNTT/24/1152	Đạt	
372	CNTT933	Đỗ Thị Huyền	Trang	17/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG018030	CNTT/24/1153	Đạt	
373	CNTT934	Đỗ Thị Huyền	Trang	07/09/2006	Bắc Giang	Nữ	8.0	5.5	DBG018031	CNTT/24/1154	Đạt	
374	CNTT935	Trịnh Thị Huyền	Trang	22/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018032	CNTT/24/1155	Đạt	
375	CNTT936	Nguyễn Văn	Trường	04/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018033	CNTT/24/1156	Đạt	
376	CNTT937	Ngô Ngọc	Tú	09/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018034	CNTT/24/1157	Đạt	
377	CNTT938	Hoàng Minh	Tuấn	05/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018035	CNTT/24/1158	Đạt	
378	CNTT939	Vũ Văn	Tuyên	20/02/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018036	CNTT/24/1159	Đạt	
379	CNTT940	Hoàng Minh	Tuyển	15/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018037	CNTT/24/1160	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
380	CNTT941	Hoàng Mạnh	Tuyền	24/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018038	CNTT/24/1161	Đạt	
381	CNTT942	Phạm Thị	Vân	14/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018039	CNTT/24/1162	Đạt	
382	CNTT943	Hà Văn	Vinh	17/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018040	CNTT/24/1163	Đạt	
383	CNTT944	Nguyễn Tuấn	Vinh	25/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018041	CNTT/24/1164	Đạt	
384	CNTT945	Hoàng Tuấn	Anh	17/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018042	CNTT/24/1165	Đạt	
385	CNTT946	Nguyễn Thục	Anh	05/12/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.5	DBG018043	CNTT/24/1166	Đạt	
386	CNTT947	Trần Ngọc	Ánh	31/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018044	CNTT/24/1167	Đạt	
387	CNTT948	Trần Văn	Bảo	12/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018045	CNTT/24/1168	Đạt	
388	CNTT949	Nguyễn Văn Hòa	Bính	26/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018046	CNTT/24/1169	Đạt	
389	CNTT950	Lương Đức	Bình	02/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018047	CNTT/24/1170	Đạt	
390	CNTT951	Phạm Thanh	Bình	17/08/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018048	CNTT/24/1171	Đạt	
391	CNTT952	Nguyễn Vũ	Cao	07/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG018049	CNTT/24/1172	Đạt	
392	CNTT953	Nguyễn Đức	Diện	23/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018050	CNTT/24/1173	Đạt	
393	CNTT954	Hà Thành	Dinh	27/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018051	CNTT/24/1174	Đạt	
394	CNTT955	Bùi Chí	Dũng	12/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018052	CNTT/24/1175	Đạt	
395	CNTT956	Hoàng Việt	Dũng	17/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018053	CNTT/24/1176	Đạt	
396	CNTT957	Nguyễn Văn	Dũng	25/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018054	CNTT/24/1177	Đạt	
397	CNTT958	Nguyễn Văn	Dũng	01/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018055	CNTT/24/1178	Đạt	
398	CNTT959	Nguyễn Việt	Dũng	31/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018056	CNTT/24/1179	Đạt	
399	CNTT960	Hoàng Thị Ánh	Duyên	24/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.5	6.0	DBG018057	CNTT/24/1180	Đạt	
400	CNTT961	Giáp Đại	Dương	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018058	CNTT/24/1181	Đạt	
401	CNTT962	Trần Đức	Dương	17/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018059	CNTT/24/1182	Đạt	
402	CNTT963	Lưu Quốc	Đạt	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018060	CNTT/24/1183	Đạt	
403	CNTT964	Nguyễn Văn	Đạt	08/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018061	CNTT/24/1184	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
404	CNTT965	Nguyễn Thị	Diệp	02/02/2006	Nghệ An	Nữ	6.5	6.0	DBG018062	CNTT/24/1185	Đạt	
405	CNTT966	Lê Đình	Đủ	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018063	CNTT/24/1186	Đạt	
406	CNTT967	Chu Minh	Đức	03/09/2006	Lạng Sơn	Nam	6.7	6.5	DBG018064	CNTT/24/1187	Đạt	
407	CNTT968	Nguyễn Văn	Đức	02/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018065	CNTT/24/1188	Đạt	
408	CNTT969	Nguyễn Văn	Đức	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018066	CNTT/24/1189	Đạt	
409	CNTT970	Nguyễn Đức	Giang	22/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018067	CNTT/24/1190	Đạt	
410	CNTT971	Trần Thị Hương	Giang	25/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018068	CNTT/24/1191	Đạt	
411	CNTT972	Hà Thị Thu	Hà	16/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018069	CNTT/24/1192	Đạt	
412	CNTT973	Trương Anh	Hào	10/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018070	CNTT/24/1193	Đạt	
413	CNTT974	Từ Văn	Hào	08/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018071	CNTT/24/1194	Đạt	
414	CNTT975	Giáp Thị Thanh	Hằng	10/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018072	CNTT/24/1195	Đạt	
415	CNTT976	Hà Thị Thu	Hằng	29/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018073	CNTT/24/1196	Đạt	
416	CNTT977	Nguyễn Thị	Hằng	25/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.5	DBG018074	CNTT/24/1197	Đạt	
417	CNTT978	Trần Thị	Hậu	29/10/2001	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.0	DBG018075	CNTT/24/1198	Đạt	
418	CNTT979	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018076	CNTT/24/1199	Đạt	
419	CNTT980	Nguyễn Đức	Hiệp	11/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG018077	CNTT/24/1200	Đạt	
420	CNTT981	Nguyễn Đức	Hiếu	12/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018078	CNTT/24/1201	Đạt	
421	CNTT982	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	05/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.5	6.5	DBG018079	CNTT/24/1202	Đạt	
422	CNTT983	Vũ Văn	Hoàng	30/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018080	CNTT/24/1203	Đạt	
423	CNTT984	Thân Thị	Hồng	28/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.5	DBG018081	CNTT/24/1204	Đạt	
424	CNTT985	Hà Văn	Hùng	23/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018082	CNTT/24/1205	Đạt	
425	CNTT986	Hoàng Gia	Huy	29/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018083	CNTT/24/1206	Đạt	
426	CNTT987	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018084	CNTT/24/1207	Đạt	
427	CNTT988	Hoàng Thị	Hương	13/05/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.5	DBG018085	CNTT/24/1208	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
428	CNTT989	Nguyễn Văn	Hường	16/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018086	CNTT/24/1209	Đạt	
429	CNTT990	Ngô Thị	Khánh	07/08/2006	Bắc Giang	Nữ	8.0	6.0	DBG018087	CNTT/24/1210	Đạt	
430	CNTT991	Vi Khắc	Khiêm	16/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018088	CNTT/24/1211	Đạt	
431	CNTT992	Giáp Thị	Lan	12/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	6.5	DBG018089	CNTT/24/1212	Đạt	
432	CNTT993	Trần Huy	Lê	12/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018090	CNTT/24/1213	Đạt	
433	CNTT994	Nguyễn Thị	Liên	12/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018091	CNTT/24/1214	Đạt	
434	CNTT995	Hoàng Tuấn	Linh	28/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018092	CNTT/24/1215	Đạt	
435	CNTT996	Nguyễn Thùy	Linh	07/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.5	DBG018093	CNTT/24/1216	Đạt	
436	CNTT997	Tổng Khánh	Linh	08/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018094	CNTT/24/1217	Đạt	
437	CNTT998	Phạm Thành	Long	25/02/2006	Thanh Hóa	Nam	7.0	6.0	DBG018095	CNTT/24/1218	Đạt	
438	CNTT999	Giáp Thành	Luân	26/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018096	CNTT/24/1219	Đạt	
439	CNTT1000	Hoàng Văn	Lưu	10/12/2000	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018097	CNTT/24/1220	Đạt	
440	CNTT1001	Tăng Thị Ngọc	Mai	11/03/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG018098	CNTT/24/1221	Đạt	
441	CNTT1002	Nguyễn Văn	Mạnh	09/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018099	CNTT/24/1222	Đạt	
442	CNTT1003	Dương Quang	Minh	25/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018100	CNTT/24/1223	Đạt	
443	CNTT1004	Nguyễn Bình	Minh	11/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018101	CNTT/24/1224	Đạt	
444	CNTT1005	Dương Hoàng	Nam	24/01/2006	Đắc Lắc	Nam	7.5	6.0	DBG018102	CNTT/24/1225	Đạt	
445	CNTT1006	Nguyễn Tiến	Nam	09/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018103	CNTT/24/1226	Đạt	
446	CNTT1007	Thân Thị	Nga	18/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018104	CNTT/24/1227	Đạt	
447	CNTT1008	Nguyễn Minh	Nghĩa	25/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018105	CNTT/24/1228	Đạt	
448	CNTT1009	Giáp Hồng	Ngọc	21/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018106	CNTT/24/1229	Đạt	
449	CNTT1010	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	08/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018107	CNTT/24/1230	Đạt	
450	CNTT1011	Nguyễn Xuân	Ngọc	24/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG018108	CNTT/24/1231	Đạt	
451	CNTT1012	Nguyễn Thị	Nhường	10/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.0	DBG018109	CNTT/24/1232	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
452	CNTT1013	Trần Văn Phúc	19/03/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.5	DBG018110	CNTT/24/1233	Đạt	
453	CNTT1014	Giáp Minh Quân	30/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018111	CNTT/24/1234	Đạt	
454	CNTT1015	Nguyễn Minh Quân	19/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018112	CNTT/24/1235	Đạt	
455	CNTT1016	Nguyễn Thị Quỳnh	16/02/2006	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.0	DBG018113	CNTT/24/1236	Đạt	
456	CNTT1017	Lê Xuân Sáng	22/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018114	CNTT/24/1237	Đạt	
457	CNTT1018	Nguyễn Ngọc Sơn	13/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018115	CNTT/24/1238	Đạt	
458	CNTT1019	Nguyễn Trọng Tâm	13/11/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018116	CNTT/24/1239	Đạt	
459	CNTT1020	Nguyễn Quang Thái	23/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018117	CNTT/24/1240	Đạt	
460	CNTT1021	Hoàng Đức Thành	18/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018118	CNTT/24/1241	Đạt	
461	CNTT1022	Ngô Văn Thành	04/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018119	CNTT/24/1242	Đạt	
462	CNTT1023	Đỗ Thị Thảo	04/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.0	5.5	DBG018120	CNTT/24/1243	Đạt	
463	CNTT1024	Nguyễn Thị Thảo	01/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG018121	CNTT/24/1244	Đạt	
464	CNTT1025	Trịnh Văn Thắng	24/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018122	CNTT/24/1245	Đạt	
465	CNTT1026	Đỗ Thành Thông	13/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018123	CNTT/24/1246	Đạt	
466	CNTT1027	Thân Thị Hồng Thuý	15/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018124	CNTT/24/1247	Đạt	
467	CNTT1028	Nguyễn Thị Minh Thư	03/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018125	CNTT/24/1248	Đạt	
468	CNTT1029	Đỗ Tráng Tiến	15/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018126	CNTT/24/1249	Đạt	
469	CNTT1030	Nguyễn Đức Tiến	28/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018127	CNTT/24/1250	Đạt	
470	CNTT1031	Tạ Thị Tiên	16/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018128	CNTT/24/1251	Đạt	
471	CNTT1032	Hoàng Đức Tinh	23/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018129	CNTT/24/1252	Đạt	
472	CNTT1033	Lê Kiều Trang	16/12/2006	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.0	DBG018130	CNTT/24/1253	Đạt	
473	CNTT1034	Nguyễn Thị Thu Trang	21/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.0	DBG018131	CNTT/24/1254	Đạt	
474	CNTT1035	Nguyễn Thị Thuý Trang	07/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7.5	5.0	DBG018132	CNTT/24/1255	Đạt	
475	CNTT1036	Ngô Văn Trung	12/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018133	CNTT/24/1256	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
476	CNTT1037	Hoàng Anh	Tú	30/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018134	CNTT/24/1257	Đạt	
477	CNTT1038	Phạm Đình	Tuấn	11/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018135	CNTT/24/1258	Đạt	
478	CNTT1039	Chu Anh	Văn	26/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018136	CNTT/24/1259	Đạt	
479	CNTT1040	Vũ Thị Thanh	Vân	06/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.5	DBG018137	CNTT/24/1260	Đạt	
480	CNTT1041	Bùi Quang	Vĩ	22/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018138	CNTT/24/1261	Đạt	
481	CNTT1042	Nguyễn Hữu	An	25/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018139	CNTT/24/1262	Đạt	
482	CNTT1043	Cao Thị Diệu	Anh	15/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018140	CNTT/24/1263	Đạt	
483	CNTT1044	Đoàn Ngọc	Anh	04/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018141	CNTT/24/1264	Đạt	
484	CNTT1045	Giáp Tuấn	Anh	10/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018142	CNTT/24/1265	Đạt	
485	CNTT1046	Lê Châm	Anh	11/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.5	DBG018143	CNTT/24/1266	Đạt	
486	CNTT1047	Lê Việt	Anh	31/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018144	CNTT/24/1267	Đạt	
487	CNTT1048	Phùng Hoàng	Anh	18/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018145	CNTT/24/1268	Đạt	
488	CNTT1049	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	28/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.0	DBG018146	CNTT/24/1269	Đạt	
489	CNTT1050	Phan Văn	Bình	22/03/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018147	CNTT/24/1270	Đạt	
490	CNTT1051	Dương Minh	Chiến	24/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018148	CNTT/24/1271	Đạt	
491	CNTT1052	Vì Quang	Chiến	06/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018149	CNTT/24/1272	Đạt	
492	CNTT1053	Dương Văn	Chung	16/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.6	5.0	DBG018150	CNTT/24/1273	Đạt	
493	CNTT1054	Chu Văn	Công	14/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018151	CNTT/24/1274	Đạt	
494	CNTT1055	Nguyễn Trọng	Cường	12/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018152	CNTT/24/1275	Đạt	
495	CNTT1056	Nguyễn Văn	Cường	05/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	5.0	DBG018153	CNTT/24/1276	Đạt	
496	CNTT1057	Chu Mạnh	Dũng	07/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018154	CNTT/24/1277	Đạt	
497	CNTT1058	Đặng Văn	Dũng	21/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018155	CNTT/24/1278	Đạt	
498	CNTT1059	Nguyễn Văn	Dũng	24/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018156	CNTT/24/1279	Đạt	
499	CNTT1060	Giáp Văn	Duy	21/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018157	CNTT/24/1280	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
500	CNTT1061	Từ Khánh Duy	24/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018158	CNTT/24/1281	Đạt	
501	CNTT1062	Nguyễn Lê Hải Dương	15/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018159	CNTT/24/1282	Đạt	
502	CNTT1063	Đình Xuân Tiến Đạt	06/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018160	CNTT/24/1283	Đạt	
503	CNTT1064	Ninh Văn Đạt	20/07/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018161	CNTT/24/1284	Đạt	
504	CNTT1065	Phạm Thành Đạt	12/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018162	CNTT/24/1285	Đạt	
505	CNTT1066	Trần Tiến Đạt	15/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018163	CNTT/24/1286	Đạt	
506	CNTT1067	Lê Thị Giang	30/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018164	CNTT/24/1287	Đạt	
507	CNTT1068	Lê Hồng Hà	14/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018165	CNTT/24/1288	Đạt	
508	CNTT1069	Ngô Thanh Hải	02/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018166	CNTT/24/1289	Đạt	
509	CNTT1070	Tổng Hoàng Hải	28/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018167	CNTT/24/1290	Đạt	
510	CNTT1071	Trương Hoàng Hiệp	28/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018168	CNTT/24/1291	Đạt	
511	CNTT1072	Lê Văn Hiếu	23/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018169	CNTT/24/1292	Đạt	
512	CNTT1073	Lương Đức Hiếu	28/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018170	CNTT/24/1293	Đạt	
513	CNTT1074	Nguyễn Đình Hiếu	21/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018171	CNTT/24/1294	Đạt	
514	CNTT1075	Nguyễn Văn Hoà	13/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018172	CNTT/24/1295	Đạt	
515	CNTT1076	Đặng Quang Hùng	22/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018173	CNTT/24/1296	Đạt	
516	CNTT1077	Nguyễn Mạnh Hùng	17/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018174	CNTT/24/1297	Đạt	
517	CNTT1078	Phạm Văn Huy	03/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018175	CNTT/24/1298	Đạt	
518	CNTT1079	Nguyễn Thị Khánh Huyền	23/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018176	CNTT/24/1299	Đạt	
519	CNTT1080	Nguyễn Quang Hưng	23/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018177	CNTT/24/1300	Đạt	
520	CNTT1081	Hà Thanh Khiết	02/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018178	CNTT/24/1301	Đạt	
521	CNTT1082	Nguyễn Ngọc Khương	07/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018179	CNTT/24/1302	Đạt	
522	CNTT1083	Nguyễn Văn Kiên	26/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018180	CNTT/24/1303	Đạt	
523	CNTT1084	Tạ Trung Kiên	28/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	7.5	DBG018181	CNTT/24/1304	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
524	CNTT1085	Chu Văn	Lâm	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018182	CNTT/24/1305	Đạt	
525	CNTT1086	Hoàng Hải	Long	12/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018183	CNTT/24/1306	Đạt	
526	CNTT1087	Nguyễn Hoàng	Long	28/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018184	CNTT/24/1307	Đạt	
527	CNTT1088	Nguyễn Thanh	Lộc	04/04/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	5.5	DBG018185	CNTT/24/1308	Đạt	
528	CNTT1089	Nguyễn Văn	Mạnh	28/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018186	CNTT/24/1309	Đạt	
529	CNTT1090	Ngô Lương Nhật	Minh	30/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG018187	CNTT/24/1310	Đạt	
530	CNTT1091	Nguyễn Hoài	Nam	24/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018188	CNTT/24/1311	Đạt	
531	CNTT1092	Phạm Công	Nam	18/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018189	CNTT/24/1312	Đạt	
532	CNTT1093	Hoàng Trọng	Nghĩa	23/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018190	CNTT/24/1313	Đạt	
533	CNTT1094	Nguyễn Đình	Nghĩa	31/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018191	CNTT/24/1314	Đạt	
534	CNTT1095	Nguyễn Văn	Nghĩa	04/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	5.0	DBG018192	CNTT/24/1315	Đạt	
535	CNTT1096	Nguyễn Văn	Quả	19/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018193	CNTT/24/1316	Đạt	
536	CNTT1097	Nguyễn Hồng	Quang	29/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018194	CNTT/24/1317	Đạt	
537	CNTT1098	Vi Đức	Quân	28/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018195	CNTT/24/1318	Đạt	
538	CNTT1099	Hoàng Văn	Quyển	01/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018196	CNTT/24/1319	Đạt	
539	CNTT1101	Nguyễn Viết	Quỳnh	11/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	5.0	DBG018197	CNTT/24/1320	Đạt	
540	CNTT1102	Nguyễn Quang	Sáng	18/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018198	CNTT/24/1321	Đạt	
541	CNTT1103	Chu Xuân	Sơn	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018199	CNTT/24/1322	Đạt	
542	CNTT1104	Hoàng Ngọc	Sơn	14/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018300	CNTT/24/1323	Đạt	
543	CNTT1105	Phan Hồng	Sơn	28/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018301	CNTT/24/1324	Đạt	
544	CNTT1106	Trần Thanh	Tân	01/01/2006	Đồng Nai	Nam	7.2	8.0	DBG018302	CNTT/24/1325	Đạt	
545	CNTT1107	Trần Bá	Thái	13/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018303	CNTT/24/1326	Đạt	
546	CNTT1108	Lê Văn	Thiện	19/10/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018304	CNTT/24/1327	Đạt	
547	CNTT1110	Nguyễn Văn	Thông	05/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018305	CNTT/24/1328	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
548	CNTT1111	Lê Văn Thuận	05/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018306	CNTT/24/1329	Đạt	
549	CNTT1112	Nguyễn Quyết Tiến	19/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018307	CNTT/24/1330	Đạt	
550	CNTT1113	Nguyễn Đức Toàn	08/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018308	CNTT/24/1331	Đạt	
551	CNTT1114	Nguyễn Thu Trang	26/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.5	DBG018309	CNTT/24/1332	Đạt	
552	CNTT1115	Dương Tuyết Trinh	30/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.0	DBG018310	CNTT/24/1333	Đạt	
553	CNTT1116	Phạm Văn Trọng	12/01/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018311	CNTT/24/1334	Đạt	
554	CNTT1117	Nguyễn Quốc Trung	21/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018312	CNTT/24/1335	Đạt	
555	CNTT1118	Nguyễn Minh Trương	21/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018313	CNTT/24/1336	Đạt	
556	CNTT1119	Giáp Văn Trường	04/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018314	CNTT/24/1337	Đạt	
557	CNTT1120	Nguyễn Ngọc Trường	01/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018315	CNTT/24/1338	Đạt	
558	CNTT1121	Nguyễn Quang Trường	23/01/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	7.5	DBG018316	CNTT/24/1339	Đạt	
559	CNTT1122	Nguyễn Văn Trường	19/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018317	CNTT/24/1340	Đạt	
560	CNTT1123	Vũ Đức Trường	27/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018318	CNTT/24/1341	Đạt	
561	CNTT1124	Bùi Anh Tuấn	09/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018319	CNTT/24/1342	Đạt	
562	CNTT1125	Giáp Văn Tuấn	30/11/2003	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018320	CNTT/24/1343	Đạt	
563	CNTT1126	Hoàng Văn Tuấn	23/02/2006	Bắc Giang	Nam	6.7	7.5	DBG018321	CNTT/24/1344	Đạt	
564	CNTT1127	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	20/02/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	7.0	DBG018322	CNTT/24/1345	Đạt	
565	CNTT1128	Nguyễn Văn Tuấn	14/07/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018323	CNTT/24/1346	Đạt	
566	CNTT1129	Nguyễn Văn Tuấn	07/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018324	CNTT/24/1347	Đạt	
567	CNTT1130	Vũ Anh Tuấn	28/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018325	CNTT/24/1348	Đạt	
568	CNTT1131	Giáp Thanh Tùng	16/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	7.5	DBG018326	CNTT/24/1349	Đạt	
569	CNTT1132	Nguyễn Anh Văn	08/08/2006	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018327	CNTT/24/1350	Đạt	
570	CNTT1133	Ngô Thị Khánh Vân	27/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.0	DBG018328	CNTT/24/1351	Đạt	
571	CNTT1134	Nguyễn Bá Vân	27/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018329	CNTT/24/1352	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
572	CNTT1135	Nguyễn Trần Việt	16/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018330	CNTT/24/1353	Đạt	
573	CNTT1136	Hà Thành Vinh	27/05/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018331	CNTT/24/1354	Đạt	
574	CNTT1137	Nguyễn Ngọc Vinh	16/12/2006	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018332	CNTT/24/1355	Đạt	
575	CNTT1138	Nguyễn Quang Vinh	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018333	CNTT/24/1356	Đạt	
576	CNTT1139	Nguyễn Hoàng Anh	28/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018334	CNTT/24/1357	Đạt	
577	CNTT1140	Ngô Thị Ngọc Ánh	29/02/2004	Bắc Giang	Nữ	6.2	7.5	DBG018335	CNTT/24/1358	Đạt	
578	CNTT1141	Lưu Đình Bách	26/12/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	7.0	DBG018336	CNTT/24/1359	Đạt	
579	CNTT1142	Vũ Duy Cảnh	28/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018337	CNTT/24/1360	Đạt	
580	CNTT1143	Nguyễn Thị Phương Chi	17/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6.5	7.5	DBG018338	CNTT/24/1361	Đạt	
581	CNTT1144	Lăng Văn Công	30/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018339	CNTT/24/1362	Đạt	
582	CNTT1145	Ngọc Văn Diện	29/03/2001	Bắc Giang	Nam	7.0	7.5	DBG018340	CNTT/24/1363	Đạt	
583	CNTT1146	Nguyễn Văn Dũng	15/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018341	CNTT/24/1364	Đạt	
584	CNTT1147	Trương Ngọc Duy	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018342	CNTT/24/1365	Đạt	
585	CNTT1148	Giáp Tùng Dương	05/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018343	CNTT/24/1366	Đạt	
586	CNTT1149	Trần Anh Dương	21/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018344	CNTT/24/1367	Đạt	
587	CNTT1150	Lê Tuấn Dương	29/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.5	DBG018345	CNTT/24/1368	Đạt	
588	CNTT1151	Hoàng Tiến Đạt	14/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018346	CNTT/24/1369	Đạt	
589	CNTT1152	Nguyễn Tiến Đạt	24/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018347	CNTT/24/1370	Đạt	
590	CNTT1153	Hoàng Hải Đăng	11/04/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	7.0	DBG018348	CNTT/24/1371	Đạt	
591	CNTT1154	Hoàng Văn Đông	09/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018349	CNTT/24/1372	Đạt	
592	CNTT1155	Bùi Văn Đồng	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	7.5	DBG018350	CNTT/24/1373	Đạt	
593	CNTT1156	Dương Trường Giang	13/06/1999	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018351	CNTT/24/1374	Đạt	
594	CNTT1157	Nguyễn Văn Giang	14/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018352	CNTT/24/1375	Đạt	
595	CNTT1158	Lương Văn Giáp	28/06/2000	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018353	CNTT/24/1376	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
596	CNTT1159	Lương Nguyệt	Hà	27/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	7.5	7.0	DBG018354	CNTT/24/1377	Đạt	
597	CNTT1160	Dương Văn	Hải	26/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018355	CNTT/24/1378	Đạt	
598	CNTT1161	Nguyễn Nam	Hải	29/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	8.0	DBG018356	CNTT/24/1379	Đạt	
599	CNTT1162	Nông Văn	Hậu	04/05/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018357	CNTT/24/1380	Đạt	
600	CNTT1163	Hoàng Trọng	Hiếu	17/12/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	7.0	DBG018358	CNTT/24/1381	Đạt	
601	CNTT1164	Vũ Tá	Hoan	20/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018359	CNTT/24/1382	Đạt	
602	CNTT1165	Phạm Văn	Hoàng	11/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018360	CNTT/24/1383	Đạt	
603	CNTT1166	Trần Huy	Hoàng	26/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018361	CNTT/24/1384	Đạt	
604	CNTT1167	Vũ Việt	Hoàng	03/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	8.0	DBG018362	CNTT/24/1385	Đạt	
605	CNTT1168	Nguyễn Thị	Hồng	08/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7.2	7.0	DBG018363	CNTT/24/1386	Đạt	
606	CNTT1169	Trịnh Thị	Huệ	10/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6.5	7.5	DBG018364	CNTT/24/1387	Đạt	
607	CNTT1170	Hồ Công	Hùng	06/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018365	CNTT/24/1388	Đạt	
608	CNTT1171	Phạm Phi	Hùng	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018366	CNTT/24/1389	Đạt	
609	CNTT1172	Hoàng Hữu	Huy	31/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018367	CNTT/24/1390	Đạt	
610	CNTT1173	Nguyễn Quang	Huy	17/07/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	7.5	DBG018368	CNTT/24/1391	Đạt	
611	CNTT1174	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	05/12/2003	Bắc Giang	Nữ	6.7	7.0	DBG018369	CNTT/24/1392	Đạt	
612	CNTT1175	Vì Thị	Huyền	10/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6.5	7.5	DBG018370	CNTT/24/1393	Đạt	
613	CNTT1176	Giáp Thuý	Hường	29/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	8.0	DBG018371	CNTT/24/1394	Đạt	
614	CNTT1177	Nguyễn Thị	Hường	27/09/2004	Bắc Giang	Nữ	7.0	7.0	DBG018372	CNTT/24/1395	Đạt	
615	CNTT1178	Phạm Đình	Kiên	28/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018373	CNTT/24/1396	Đạt	
616	CNTT1179	Thân Văn	Kỳ	09/09/2002	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018374	CNTT/24/1397	Đạt	
617	CNTT1180	Hùng Văn	Lâm	29/03/2002	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018375	CNTT/24/1398	Đạt	
618	CNTT1181	Nguyễn Thị	Loan	09/05/2005	Bắc Giang	Nữ	7.0	7.0	DBG018376	CNTT/24/1399	Đạt	
619	CNTT1182	Hoàng Nhật	Long	09/05/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018377	CNTT/24/1400	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
620	CNTT1183	Dương Văn Lực	11/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018378	CNTT/24/1401	Đạt	
621	CNTT1184	Nông Khuông Đức Mạnh	06/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.5	DBG018379	CNTT/24/1402	Đạt	
622	CNTT1185	Đinh Hoàng Minh	24/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018380	CNTT/24/1403	Đạt	
623	CNTT1186	Mè Văn Minh	02/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018381	CNTT/24/1404	Đạt	
624	CNTT1187	Nguyễn Văn Minh	13/08/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018382	CNTT/24/1405	Đạt	
625	CNTT1188	Vũ Đức Bình Minh	20/10/2005	Lạng Sơn	Nam	6.2	7.5	DBG018383	CNTT/24/1406	Đạt	
626	CNTT1189	Hoàng Thị Trà My	24/09/2004	Bắc Giang	Nữ	7.0	7.0	DBG018384	CNTT/24/1407	Đạt	
627	CNTT1190	Lăng Thị Phương Nam	04/07/2004	Bắc Giang	Nữ	6.2	7.5	DBG018385	CNTT/24/1408	Đạt	
628	CNTT1191	Nguyễn Văn Nam	15/04/2002	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018386	CNTT/24/1409	Đạt	
629	CNTT1192	Trịnh Đình Nam	26/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018387	CNTT/24/1410	Đạt	
630	CNTT1193	Nguyễn Đức Nghĩa	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018388	CNTT/24/1411	Đạt	
631	CNTT1194	Lê Văn Nghiêm	24/10/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018389	CNTT/24/1412	Đạt	
632	CNTT1195	Hoàng Thị Ngọc	03/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.0	DBG018390	CNTT/24/1413	Đạt	
633	CNTT1196	Phạm Văn Nguyễn	08/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018391	CNTT/24/1414	Đạt	
634	CNTT1197	Hoàng Anh Nhất	11/12/2004	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018392	CNTT/24/1415	Đạt	
635	CNTT1198	Phan Thanh Nhiên	02/08/2002	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018393	CNTT/24/1416	Đạt	
636	CNTT1199	Hồ Gia Phú	24/09/2005	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG018394	CNTT/24/1417	Đạt	
637	CNTT1200	Nguyễn Hữu Phú	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018395	CNTT/24/1418	Đạt	
638	CNTT1201	Đỗ Thị Kim Phúc	26/03/2004	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018396	CNTT/24/1419	Đạt	
639	CNTT1202	Vũ Bình Phước	19/04/2005	Nam Định	Nam	7.5	5.5	DBG018397	CNTT/24/1420	Đạt	
640	CNTT1203	Hoàng Minh Phương	25/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018398	CNTT/24/1421	Đạt	
641	CNTT1204	Nguyễn Duy Quang	18/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018399	CNTT/24/1422	Đạt	
642	CNTT1205	Tổng Khắc Quang	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018400	CNTT/24/1423	Đạt	
643	CNTT1206	Nguyễn Anh Quân	23/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018401	CNTT/24/1424	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
644	CNTT1207	Vũ Minh	Quân	22/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018402	CNTT/24/1425	Đạt	
645	CNTT1208	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7.2	7.5	DBG018403	CNTT/24/1426	Đạt	
646	CNTT1209	Dương Văn	Sĩ	04/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018404	CNTT/24/1427	Đạt	
647	CNTT1210	Vi Hồng	Sơn	19/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018405	CNTT/24/1428	Đạt	
648	CNTT1211	Trần Trọng	Tâm	02/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018406	CNTT/24/1429	Đạt	
649	CNTT1212	Đỗ Đăng	Tập	09/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018407	CNTT/24/1430	Đạt	
650	CNTT1213	Nguyễn Văn	Thái	15/10/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018408	CNTT/24/1431	Đạt	
651	CNTT1214	Dương Văn	Thanh	01/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018409	CNTT/24/1432	Đạt	
652	CNTT1215	Đỗ Duy	Thành	10/11/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018410	CNTT/24/1433	Đạt	
653	CNTT1216	Nguyễn Văn	Thành	28/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018411	CNTT/24/1434	Đạt	
654	CNTT1217	Đặng Thị Phương	Thảo	24/02/2005	Phú Thọ	Nữ	6.0	5.0	DBG018412	CNTT/24/1435	Đạt	
655	CNTT1218	Ngô Phương	Thảo	11/01/2004	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018413	CNTT/24/1436	Đạt	
656	CNTT1219	Nguyễn Hữu	Thọ	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018414	CNTT/24/1437	Đạt	
657	CNTT1220	Lê Phương	Thủy	10/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018415	CNTT/24/1438	Đạt	
658	CNTT1221	Long Thị	Thủy	24/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	7.2	6.0	DBG018416	CNTT/24/1439	Đạt	
659	CNTT1222	Nguyễn Thị	Thương	24/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018417	CNTT/24/1440	Đạt	
660	CNTT1223	Nguyễn Công	Thường	12/10/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018418	CNTT/24/1441	Đạt	
661	CNTT1224	Hoàng Mạnh	Tiến	03/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018419	CNTT/24/1442	Đạt	
662	CNTT1225	Nông Đức	Toàn	23/06/2002	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018420	CNTT/24/1443	Đạt	
663	CNTT1226	Hoàng Thị Huyền	Trang	07/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6.7	5.0	DBG018421	CNTT/24/1444	Đạt	
664	CNTT1227	Trịnh Hà	Trang	02/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6.5	6.0	DBG018422	CNTT/24/1445	Đạt	
665	CNTT1228	Nguyễn Mạnh	Trường	01/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018423	CNTT/24/1446	Đạt	
666	CNTT1229	Hoàng Đức	Việt	27/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018424	CNTT/24/1447	Đạt	
667	CNTT1230	Nguyễn Văn	Việt	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018425	CNTT/24/1448	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
668	CNTT1231	Nguyễn Thành Vinh	30/01/2006	Bắc Giang	Nam	7.5	6.0	DBG018426	CNTT/24/1449	Đạt	
669	CNTT1232	Nguyễn Thế Vinh	17/01/2006	Đồng Nai	Nam	6.5	6.0	DBG018427	CNTT/24/1450	Đạt	
670	CNTT1233	Nguyễn Uy Vũ	15/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018428	CNTT/24/1451	Đạt	
671	CNTT1234	Ngô Hoàng Anh	24/12/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018429	CNTT/24/1452	Đạt	
672	CNTT1235	Nguyễn Thế Anh	02/11/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018430	CNTT/24/1453	Đạt	
673	CNTT1236	Nguyễn Hữu Ánh	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018431	CNTT/24/1454	Đạt	
674	CNTT1237	Dương Tuấn Bảo	08/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018432	CNTT/24/1455	Đạt	
675	CNTT1238	Vũ Đăng Bằng	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018433	CNTT/24/1456	Đạt	
676	CNTT1239	Dương Văn Chiến	07/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018434	CNTT/24/1457	Đạt	
677	CNTT1240	Lương Văn Chiến	20/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018435	CNTT/24/1458	Đạt	
678	CNTT1241	Nguyễn Minh Chiến	03/12/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018436	CNTT/24/1459	Đạt	
679	CNTT1242	Tạ Quang Dũng	08/09/2001	Bắc Giang	Nam	7.2	5.0	DBG018437	CNTT/24/1460	Đạt	
680	CNTT1243	Trần Đức Dũng	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018438	CNTT/24/1461	Đạt	
681	CNTT1244	Đồng Xuân Dường	19/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018439	CNTT/24/1462	Đạt	
682	CNTT1245	Hà Tiến Đạt	25/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018440	CNTT/24/1463	Đạt	
683	CNTT1246	Vương Quốc Đạt	24/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6.5	5.5	DBG018441	CNTT/24/1464	Đạt	
684	CNTT1247	Trần Xuân Đông	30/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018442	CNTT/24/1465	Đạt	
685	CNTT1248	Phạm Văn Đu	15/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018443	CNTT/24/1466	Đạt	
686	CNTT1249	Đồng Xuân Đức	24/09/2004	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018444	CNTT/24/1467	Đạt	
687	CNTT1250	Nguyễn Văn Đức	14/03/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018445	CNTT/24/1468	Đạt	
688	CNTT1251	Hà Văn Giang	09/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018446	CNTT/24/1469	Đạt	
689	CNTT1252	Thân Văn Giáp	25/02/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	5.0	DBG018447	CNTT/24/1470	Đạt	
690	CNTT1253	Nguyễn Mạnh Hà	24/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018448	CNTT/24/1471	Đạt	
691	CNTT1254	Nguyễn Tuấn Hà	17/05/2004	Bắc Giang	Nam	7.5	5.0	DBG018449	CNTT/24/1472	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
692	CNTT1255	Nguyễn Văn	Hải	21/05/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018450	CNTT/24/1473	Đạt	
693	CNTT1256	Nguyễn Văn	Hân	22/01/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018451	CNTT/24/1474	Đạt	
694	CNTT1257	Trần Đức	Hiệp	04/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018452	CNTT/24/1475	Đạt	
695	CNTT1258	Lý Văn	Hiệu	04/07/2003	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018453	CNTT/24/1476	Đạt	
696	CNTT1259	Nguyễn Việt	Hòa	23/08/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018454	CNTT/24/1477	Đạt	
697	CNTT1260	Đặng Văn	Hoạch	27/04/2004	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018455	CNTT/24/1478	Đạt	
698	CNTT1261	Nguyễn Văn	Hùng	21/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018456	CNTT/24/1479	Đạt	
699	CNTT1262	Chu Quang	Huy	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018457	CNTT/24/1480	Đạt	
700	CNTT1263	Phùng Văn	Huy	07/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018458	CNTT/24/1481	Đạt	
701	CNTT1264	Trần Đức	Huy	12/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018459	CNTT/24/1482	Đạt	
702	CNTT1265	Dương Tuấn	Hưng	02/02/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018460	CNTT/24/1483	Đạt	
703	CNTT1266	Dương Văn	Hưng	27/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018461	CNTT/24/1484	Đạt	
704	CNTT1267	Đoàn Văn	Khánh	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018462	CNTT/24/1485	Đạt	
705	CNTT1270	Nguyễn Trung	Kiên	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018463	CNTT/24/1486	Đạt	
706	CNTT1271	Nguyễn Xuân	Kiều	19/10/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018464	CNTT/24/1487	Đạt	
707	CNTT1272	Đoàn Văn	Lâm	06/01/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018465	CNTT/24/1488	Đạt	
708	CNTT1273	Nguyễn Đăng	Lương	23/01/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018466	CNTT/24/1489	Đạt	
709	CNTT1274	Hoàng Đức	Mạnh	24/10/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018467	CNTT/24/1490	Đạt	
710	CNTT1275	Trần Duy	Mạnh	22/11/2004	Bắc Giang	Nam	7.5	5.0	DBG018468	CNTT/24/1491	Đạt	
711	CNTT1276	Vũ Hoàng	Mạnh	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018469	CNTT/24/1492	Đạt	
712	CNTT1277	Giáp Ngọc	Minh	16/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018470	CNTT/24/1493	Đạt	
713	CNTT1278	Nguyễn Quang	Minh	15/04/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018471	CNTT/24/1494	Đạt	
714	CNTT1279	Nguyễn Văn	Minh	07/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018472	CNTT/24/1495	Đạt	
715	CNTT1280	Nguyễn Đức	Nam	13/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018473	CNTT/24/1496	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
716	CNTT1281	Nguyễn Thành	Nam	17/10/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	5.0	DBG018474	CNTT/24/1497	Đạt	
717	CNTT1282	Trần Đình	Nam	25/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018475	CNTT/24/1498	Đạt	
718	CNTT1283	Nguyễn Bá	Năm	01/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018476	CNTT/24/1499	Đạt	
719	CNTT1284	Nguyễn Văn	Ngà	22/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018477	CNTT/24/1500	Đạt	
720	CNTT1285	Vũ Duy	Nghị	20/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018478	CNTT/24/1501	Đạt	
721	CNTT1286	Hoàng Quang	Ngọc	22/11/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018479	CNTT/24/1502	Đạt	
722	CNTT1287	Nguyễn Việt	Ngọc	04/06/2005	Đắk Lắk	Nam	6.2	5.0	DBG018480	CNTT/24/1503	Đạt	
723	CNTT1288	Chu Văn	Nhất	11/03/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018481	CNTT/24/1504	Đạt	
724	CNTT1289	Nguyễn Văn	Nhật	18/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018482	CNTT/24/1505	Đạt	
725	CNTT1290	Bùi Huy	Phong	17/11/2002	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018483	CNTT/24/1506	Đạt	
726	CNTT1291	Phạm Đức	Phương	11/08/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018484	CNTT/24/1507	Đạt	
727	CNTT1292	Đình Tiến	Quang	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018485	CNTT/24/1508	Đạt	
728	CNTT1293	Nguyễn Hà	Quang	15/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018486	CNTT/24/1509	Đạt	
729	CNTT1294	Nguyễn Phú	Quý	25/04/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018487	CNTT/24/1510	Đạt	
730	CNTT1295	Nguyễn Xuân	Quý	06/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018488	CNTT/24/1511	Đạt	
731	CNTT1296	Hoàng Văn	Quyền	04/01/2004	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018489	CNTT/24/1512	Đạt	
732	CNTT1297	Phùng Duy	Quyền	03/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018490	CNTT/24/1513	Đạt	
733	CNTT1298	Trần Diễm	Quỳnh	15/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6.0	5.0	DBG018491	CNTT/24/1514	Đạt	
734	CNTT1299	Nguyễn Huỳnh	Son	19/11/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018492	CNTT/24/1515	Đạt	
735	CNTT1300	Vũ Ngọc	Tân	31/01/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018493	CNTT/24/1516	Đạt	
736	CNTT1301	Đoàn Văn	Thái	27/05/1994	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018494	CNTT/24/1517	Đạt	
737	CNTT1302	Nguyễn Tiến	Thành	11/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018495	CNTT/24/1518	Đạt	
738	CNTT1303	Phạm Tiến	Thành	05/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018496	CNTT/24/1519	Đạt	
739	CNTT1304	Nguyễn Đạo	Thăng	11/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018497	CNTT/24/1520	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
740	CNTT1305	Mai Văn	Thắng	22/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018498	CNTT/24/1521	Đạt	
741	CNTT1306	Nguyễn Chiến	Thắng	30/04/2001	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018499	CNTT/24/1522	Đạt	
742	CNTT1307	Hoàng Văn	Thân	28/02/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	8.0	DBG018500	CNTT/24/1523	Đạt	
743	CNTT1308	Giáp Anh	Tiến	30/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018501	CNTT/24/1524	Đạt	
744	CNTT1309	Nguyễn Khắc	Tiến	05/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6.2	7.0	DBG018502	CNTT/24/1525	Đạt	
745	CNTT1310	Nguyễn Văn	Toàn	31/05/2005	Bắc Giang	Nam	7.5	8.0	DBG018503	CNTT/24/1526	Đạt	
746	CNTT1311	Nguyễn Quang	Trình	07/10/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	7.5	DBG018504	CNTT/24/1527	Đạt	
747	CNTT1312	Nguyễn Văn	Trường	20/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018505	CNTT/24/1528	Đạt	
748	CNTT1313	Nguyễn Xuân	Trường	30/08/2003	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018506	CNTT/24/1529	Đạt	
749	CNTT1314	Hoàng Quốc	Trường	24/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	8.0	DBG018507	CNTT/24/1530	Đạt	
750	CNTT1315	Chu Minh	Tú	26/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	9.0	DBG018508	CNTT/24/1531	Đạt	
751	CNTT1316	Nguyễn Anh	Tú	26/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	9.0	DBG018509	CNTT/24/1532	Đạt	
752	CNTT1317	Giáp Văn	Tuấn	17/04/2004	Bắc Giang	Nam	7.5	8.0	DBG018510	CNTT/24/1533	Đạt	
753	CNTT1318	Lưu Văn	Tuấn	24/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018511	CNTT/24/1534	Đạt	
754	CNTT1319	Phạm Mạnh	Tuấn	19/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	7.5	DBG018512	CNTT/24/1535	Đạt	
755	CNTT1320	Ngô Bảo	Việt	10/10/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018513	CNTT/24/1536	Đạt	
756	CNTT1321	Nguyễn Văn	Việt	28/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	8.0	DBG018514	CNTT/24/1537	Đạt	
757	CNTT1322	Nông Quang	Vinh	19/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	7.5	DBG018515	CNTT/24/1538	Đạt	
758	CNTT1323	Trần Văn	Vinh	11/03/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	7.5	DBG018516	CNTT/24/1539	Đạt	
759	CNTT1324	Trịnh Quang	Vũ	27/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018517	CNTT/24/1540	Đạt	
760	CNTT1325	Nguyễn Đức	Xuân	09/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	8.0	DBG018518	CNTT/24/1541	Đạt	
761	CNTT1326	Đoàn Tuấn	Anh	01/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	8.5	DBG018519	CNTT/24/1542	Đạt	
762	CNTT1327	Lê Đức	Anh	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	8.0	DBG018520	CNTT/24/1543	Đạt	
763	CNTT1328	Thân Thị Ngọc	Anh	05/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7.2	5.5	DBG018521	CNTT/24/1544	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
764	CNTT1329	Lê Ngọc	Ánh	16/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	6.2	5.5	DBG018522	CNTT/24/1545	Đạt	
765	CNTT1330	Tạ Ngọc	Ánh	22/04/2005	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG018523	CNTT/24/1546	Đạt	
766	CNTT1331	Vũ Thị Hồng	Ánh	24/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.0	DBG018524	CNTT/24/1547	Đạt	
767	CNTT1332	Hoàng Ngọc	Bảo	01/07/2005	Hưng Yên	Nam	6.0	5.5	DBG018525	CNTT/24/1548	Đạt	
768	CNTT1333	Lý Văn	Chung	17/07/2000	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018526	CNTT/24/1549	Đạt	
769	CNTT1334	Lý Đức	Cường	26/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018527	CNTT/24/1550	Đạt	
770	CNTT1335	Nguyễn Thái	Dương	30/12/2003	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018528	CNTT/24/1551	Đạt	
771	CNTT1336	Nguyễn Phú	Đạo	19/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018529	CNTT/24/1552	Đạt	
772	CNTT1337	Hoàng Quốc	Đạt	10/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018530	CNTT/24/1553	Đạt	
773	CNTT1338	Lê Văn Thành	Đạt	30/06/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018531	CNTT/24/1554	Đạt	
774	CNTT1339	Nông Viết	Đạt	27/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018532	CNTT/24/1555	Đạt	
775	CNTT1340	Trần Văn	Đạt	01/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018533	CNTT/24/1556	Đạt	
776	CNTT1341	Vi Văn	Đạt	01/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018534	CNTT/24/1557	Đạt	
777	CNTT1342	Lâm Viết Hải	Đặng	13/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018535	CNTT/24/1558	Đạt	
778	CNTT1343	Nguyễn Văn	Điện	03/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018536	CNTT/24/1559	Đạt	
779	CNTT1344	Thân Văn	Định	10/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018537	CNTT/24/1560	Đạt	
780	CNTT1345	Trần Hoàng Gia	Định	20/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018538	CNTT/24/1561	Đạt	
781	CNTT1346	Nguyễn Trọng	Giáp	03/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018539	CNTT/24/1562	Đạt	
782	CNTT1347	Thân Ngọc	Hải	01/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018540	CNTT/24/1563	Đạt	
783	CNTT1348	Bùi Văn	Hào	01/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018541	CNTT/24/1564	Đạt	
784	CNTT1349	Hứa Văn	Hảo	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018542	CNTT/24/1565	Đạt	
785	CNTT1350	Đinh Thu	Hằng	28/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.0	DBG018543	CNTT/24/1566	Đạt	
786	CNTT1351	Vi Thị	Hiền	29/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018544	CNTT/24/1567	Đạt	
787	CNTT1352	Bùi Quang	Hiệu	26/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018545	CNTT/24/1568	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
788	CNTT1353	Nguyễn Thị Thu Hoài	14/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	5.5	DBG018546	CNTT/24/1569	Đạt	
789	CNTT1354	Lương Gia Hoàng	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018547	CNTT/24/1570	Đạt	
790	CNTT1355	Trương Quang Hội	23/10/2005	Bắc Giang	Nam	7.5	5.0	DBG018548	CNTT/24/1571	Đạt	
791	CNTT1356	Lê Minh Hùng	13/11/2002	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018549	CNTT/24/1572	Đạt	
792	CNTT1357	Trương Đức Huỳnh	15/12/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018550	CNTT/24/1573	Đạt	
793	CNTT1358	Hà Đức Khải	29/11/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018551	CNTT/24/1574	Đạt	
794	CNTT1359	Nguyễn Văn Khải	20/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018552	CNTT/24/1575	Đạt	
795	CNTT1360	Đoàn Văn Khánh	20/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018553	CNTT/24/1576	Đạt	
796	CNTT1361	Nguyễn Duy Khánh	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018554	CNTT/24/1577	Đạt	
797	CNTT1362	Nguyễn Duy Khánh	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018555	CNTT/24/1578	Đạt	
798	CNTT1363	Nguyễn Khắc Khánh	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018556	CNTT/24/1579	Đạt	
799	CNTT1364	Phạm Quốc Khánh	04/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018557	CNTT/24/1580	Đạt	
800	CNTT1365	Trần Trung Kiên	19/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018558	CNTT/24/1581	Đạt	
801	CNTT1366	Ngọc Thị Huyền Linh	08/12/2004	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.0	DBG018569	CNTT/24/1582	Đạt	
802	CNTT1367	Nguyễn Ngọc Linh	19/09/2005	Lâm Đồng	Nữ	6.2	6.0	DBG018570	CNTT/24/1583	Đạt	
803	CNTT1368	Tổng Thị Linh	19/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.0	DBG018571	CNTT/24/1584	Đạt	
804	CNTT1369	Triệu Tài Long	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018572	CNTT/24/1585	Đạt	
805	CNTT1370	Nguyễn Đình Lộc	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.0	DBG018573	CNTT/24/1586	Đạt	
806	CNTT1371	Đỗ Văn Lợi	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018574	CNTT/24/1587	Đạt	
807	CNTT1372	Nguyễn Thị Luyến	11/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6.0	7.0	DBG018575	CNTT/24/1588	Đạt	
808	CNTT1373	Trần Thị Ánh Ly	05/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6.2	6.5	DBG018576	CNTT/24/1589	Đạt	
809	CNTT1374	Hoàng Văn Mạnh	02/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018577	CNTT/24/1590	Đạt	
810	CNTT1375	Vi Văn Mạnh	05/03/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018578	CNTT/24/1591	Đạt	
811	CNTT1376	Đỗ Hoàng Minh	14/03/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018559	CNTT/24/1592	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
812	CNTT1377	Hoàng Văn	Nam	23/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018560	CNTT/24/1593	Đạt	
813	CNTT1378	Lại Hải	Nam	12/04/2003	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018561	CNTT/24/1594	Đạt	
814	CNTT1379	Nguyễn Thành	Nam	26/02/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018562	CNTT/24/1595	Đạt	
815	CNTT1380	Dương Ngọc	Nghĩa	16/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	8.0	DBG018563	CNTT/24/1596	Đạt	
816	CNTT1381	Trần Hương	Ngọc	01/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6.7	7.0	DBG018564	CNTT/24/1597	Đạt	
817	CNTT1382	Nguyễn Đình	Nguyên	18/12/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018565	CNTT/24/1598	Đạt	
818	CNTT1383	Thân Thị Hồng	Nhung	04/12/2001	Bắc Giang	Nữ	6.5	5.5	DBG018566	CNTT/24/1599	Đạt	
819	CNTT1384	Nguyễn Dương Hồng	Phương	19/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018567	CNTT/24/1600	Đạt	
820	CNTT1385	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.0	DBG018568	CNTT/24/1601	Đạt	
821	CNTT1386	Lý Ngọc	Son	29/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018579	CNTT/24/1602	Đạt	
822	CNTT1387	Nguyễn Văn	Tài	04/12/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018580	CNTT/24/1603	Đạt	
823	CNTT1388	Lê Công	Tâm	07/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018581	CNTT/24/1604	Đạt	
824	CNTT1389	Nguyễn Thị	Tâm	13/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	6.5	5.5	DBG018582	CNTT/24/1605	Đạt	
825	CNTT1390	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	23/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7.0	6.0	DBG018583	CNTT/24/1606	Đạt	
826	CNTT1391	Nguyễn Văn	Thành	16/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018584	CNTT/24/1607	Đạt	
827	CNTT1392	Nguyễn Văn	Thành	02/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018585	CNTT/24/1608	Đạt	
828	CNTT1393	Lâm Thị Thanh	Thảo	30/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7.6	5.5	DBG018586	CNTT/24/1609	Đạt	
829	CNTT1394	Hoàng Văn	Thế	03/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018587	CNTT/24/1610	Đạt	
830	CNTT1395	Nguyễn Hữu Hoàng	Thiệp	05/10/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018588	CNTT/24/1611	Đạt	
831	CNTT1396	Trần Văn	Thượng	03/05/2005	Lạng Sơn	Nam	7.2	5.0	DBG018589	CNTT/24/1612	Đạt	
832	CNTT1397	Giáp Văn	Tiến	10/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018590	CNTT/24/1613	Đạt	
833	CNTT1398	Nguyễn Văn	Toàn	07/07/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018591	CNTT/24/1614	Đạt	
834	CNTT1399	Nguyễn Văn	Toàn	15/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018592	CNTT/24/1615	Đạt	
835	CNTT1400	Lý Đức	Trình	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018593	CNTT/24/1616	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
836	CNTT1401	Vũ Văn Trọng	11/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018594	CNTT/24/1617	Đạt	
837	CNTT1402	Đỗ Thành Trung	23/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018595	CNTT/24/1618	Đạt	
838	CNTT1403	Hứa Văn Trường	10/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.5	DBG018596	CNTT/24/1619	Đạt	
839	CNTT1404	Nguyễn Phi Trường	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.5	DBG018597	CNTT/24/1620	Đạt	
840	CNTT1405	Dương Anh Tú	16/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	5.0	DBG018598	CNTT/24/1621	Đạt	
841	CNTT1406	Dương Tuấn Tú	20/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018599	CNTT/24/1622	Đạt	
842	CNTT1407	Cao Bá Tuấn	08/10/2001	Bắc Giang	Nam	6.7	5.0	DBG018600	CNTT/24/1623	Đạt	
843	CNTT1408	Lê Xuân Tùng	14/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	8.0	DBG018601	CNTT/24/1624	Đạt	
844	CNTT1409	Đinh Văn Tuyển	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018602	CNTT/24/1625	Đạt	
845	CNTT1410	Bùi Anh Văn	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018603	CNTT/24/1626	Đạt	
846	CNTT1411	Nghiêm Thị Hồng Vân	29/05/2004	Bắc Giang	Nữ	7.0	5.5	DBG018604	CNTT/24/1627	Đạt	
847	CNTT1412	Đinh Văn Vĩ	02/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018605	CNTT/24/1628	Đạt	
848	CNTT1413	Phan Thị Viên	11/03/2003	Bắc Giang	Nữ	6.0	5.0	DBG018606	CNTT/24/1629	Đạt	
849	CNTT1414	Nguyễn Văn Việt	07/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018607	CNTT/24/1630	Đạt	
850	CNTT1415	Đoàn Tuấn Vũ	01/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	5.0	DBG018608	CNTT/24/1631	Đạt	
851	CNTT1416	Phạm Văn Vũ	20/07/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	5.0	DBG018609	CNTT/24/1632	Đạt	
852	CNTT1417	Phạm Đức Vượng	11/03/2004	Bắc Giang	Nam	6.7	5.5	DBG018610	CNTT/24/1633	Đạt	
853	CNTT1418	Dương Ngọc Xuân	13/03/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018611	CNTT/24/1634	Đạt	
854	CNTT1419	Hà Hoàng Anh	01/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018612	CNTT/24/1635	Đạt	
855	CNTT1420	Nguyễn Dương Tuấn Anh	06/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018613	CNTT/24/1636	Đạt	
856	CNTT1421	Nguyễn Hoàng Quan Anh	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018614	CNTT/24/1637	Đạt	
857	CNTT1422	Nguyễn Lục Phúc Anh	28/12/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.0	DBG018615	CNTT/24/1638	Đạt	
858	CNTT1423	Dương Mạnh Cường	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018616	CNTT/24/1639	Đạt	
859	CNTT1424	Lê Đức Duy	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	7.0	DBG018617	CNTT/24/1640	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
860	CNTT1425	Nguyễn Trần Duy	21/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018618	CNTT/24/1641	Đạt	
861	CNTT1426	Nguyễn Văn Duy	11/09/2001	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018619	CNTT/24/1642	Đạt	
862	CNTT1427	Hà Văn Đại	04/07/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018620	CNTT/24/1643	Đạt	
863	CNTT1428	Thân Văn Đạt	12/12/2005	Bắc Giang	Nam	7.5	7.0	DBG018621	CNTT/24/1644	Đạt	
864	CNTT1429	Nguyễn Quốc Đăng	09/09/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018622	CNTT/24/1645	Đạt	
865	CNTT1430	Lương Hải Định	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG018623	CNTT/24/1646	Đạt	
866	CNTT1431	Vũ Quang Hanh	10/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018624	CNTT/24/1647	Đạt	
867	CNTT1432	Tạ Hoàn Hào	16/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018625	CNTT/24/1648	Đạt	
868	CNTT1433	Nguyễn Trung Hiếu	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018626	CNTT/24/1649	Đạt	
869	CNTT1434	Phan Văn Hiếu	19/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018627	CNTT/24/1650	Đạt	
870	CNTT1436	Phan Văn Học	01/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	7.0	DBG018628	CNTT/24/1651	Đạt	
871	CNTT1437	Nguyễn Bá Hới	15/04/2003	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018629	CNTT/24/1652	Đạt	
872	CNTT1438	Trần Đức Hùng	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018630	CNTT/24/1653	Đạt	
873	CNTT1439	Đoàn Quang Huy	07/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018631	CNTT/24/1654	Đạt	
874	CNTT1440	Đường Quang Huy	05/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018632	CNTT/24/1655	Đạt	
875	CNTT1441	Nguyễn Văn Huy	09/01/2004	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018633	CNTT/24/1656	Đạt	
876	CNTT1442	Hoàng Thị Huyền	13/03/1982	Bắc Giang	Nữ	8.5	9.0	DBG018634	CNTT/24/1657	Đạt	
877	CNTT1443	Nguyễn Bá Huỳnh	29/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018635	CNTT/24/1658	Đạt	
878	CNTT1444	Lê Hồng Khanh	10/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018636	CNTT/24/1659	Đạt	
879	CNTT1445	Hà Minh Khánh	15/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018637	CNTT/24/1660	Đạt	
880	CNTT1446	Nguyễn Mạnh Khôi	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	6.0	DBG018638	CNTT/24/1661	Đạt	
881	CNTT1447	Nguyễn Hữu Kiên	05/02/1998	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018639	CNTT/24/1662	Đạt	
882	CNTT1448	Thân Văn Kiên	05/07/2004	Bắc Giang	Nam	7.0	6.5	DBG018640	CNTT/24/1663	Đạt	
883	CNTT1449	Vũ Văn Kim	19/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	7.0	DBG018641	CNTT/24/1664	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
884	CNTT1450	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	19/10/2005	Hồ Chí Minh	Nữ	6.5	6.5	DBG018642	CNTT/24/1665	Đạt	
885	CNTT1451	Dương Nhất	Long	21/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018643	CNTT/24/1666	Đạt	
886	CNTT1452	Thân Minh	Lương	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018644	CNTT/24/1667	Đạt	
887	CNTT1453	Nguyễn Đức	Mạnh	06/12/2002	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018645	CNTT/24/1668	Đạt	
888	CNTT1454	Vũ Trí	Mạnh	06/02/2000	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018646	CNTT/24/1669	Đạt	
889	CNTT1455	Phạm Tuấn	Minh	23/02/2007	Bắc Giang	Nam	8.0	8.5	DBG018647	CNTT/24/1670	Đạt	
890	CNTT1456	Trương Hồng	Minh	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	7.0	DBG018648	CNTT/24/1671	Đạt	
891	CNTT1457	Lương Ngọc	Nam	26/07/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018649	CNTT/24/1672	Đạt	
892	CNTT1458	Nguyễn Mạnh	Nghĩa	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.0	DBG018650	CNTT/24/1673	Đạt	
893	CNTT1459	Nguyễn Kim	Ngọc	09/08/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018651	CNTT/24/1674	Đạt	
894	CNTT1460	Ngô Văn	Nguyên	19/10/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018652	CNTT/24/1675	Đạt	
895	CNTT1461	Dương Văn	Phương	27/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018653	CNTT/24/1676	Đạt	
896	CNTT1462	Giáp Tiến	Quang	05/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.5	DBG018654	CNTT/24/1677	Đạt	
897	CNTT1463	Trần Văn	Son	10/08/2000	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018655	CNTT/24/1678	Đạt	
898	CNTT1464	Bùi Minh	Tân	19/10/2007	Bắc Giang	Nam	8.5	8.5	DBG018656	CNTT/24/1679	Đạt	
899	CNTT1465	Vũ Văn	Thân	31/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018657	CNTT/24/1680	Đạt	
900	CNTT1466	Lương Văn	Thư	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018658	CNTT/24/1681	Đạt	
901	CNTT1467	Trịnh Đức	Tiến	18/02/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	5.5	DBG018659	CNTT/24/1682	Đạt	
902	CNTT1468	Lăng Văn	Toàn	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018660	CNTT/24/1683	Đạt	
903	CNTT1469	Nguyễn Đức	Toàn	23/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018661	CNTT/24/1684	Đạt	
904	CNTT1470	Vũ Nho	Toàn	20/04/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG018662	CNTT/24/1685	Đạt	
905	CNTT1471	Bùi Đức	Trí	16/01/2005	Bắc Giang	Nam	6.0	6.5	DBG018663	CNTT/24/1686	Đạt	
906	CNTT1472	Nguyễn Quốc	Trung	30/08/2005	Bắc Giang	Nam	7.2	6.5	DBG018664	CNTT/24/1687	Đạt	
907	CNTT1473	Hứa Quang	Trường	08/11/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018665	CNTT/24/1688	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
908	CNTT1474	Trần Quốc Trường	10/05/2005	Bắc Giang	Nam	6.2	6.0	DBG018666	CNTT/24/1689	Đạt	
909	CNTT1475	Bùi Ngọc Tú	22/02/2005	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018667	CNTT/24/1690	Đạt	
910	CNTT1476	Đào Thanh Tùng	30/06/2004	Bắc Giang	Nam	6.2	6.5	DBG018668	CNTT/24/1691	Đạt	
911	CNTT1477	Lê Thế Vinh	07/05/2005	Bắc Giang	Nam	7.0	7.0	DBG018669	CNTT/24/1692	Đạt	
912	CNTT1478	Trần Công Vinh	09/07/2005	Lạng Sơn	Nam	6.7	6.0	DBG018670	CNTT/24/1693	Đạt	
913	CNTT1479	Vi Văn Vũ	26/01/2003	Bắc Giang	Nam	6.5	6.0	DBG018671	CNTT/24/1694	Đạt	

Danh sách có 913 thí sinh./.

